

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



LÊ THỊ AN

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ
NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ

HÀ NỘI - 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



LÊ THỊ AN

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ

MÃ SỐ: 8310104

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. PHẠM VĂN HÙNG

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam đoan bằng danh dự cá nhân rằng công trình này là của riêng tôi và không vi phạm các hành vi về sự trung thực trong học thuật.

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Học viên

Lê Thị An

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC HÌNH ẢNH

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆPi

MỞ ĐẦU 1

1. Lý do chọn đề tài.....1

2. Mục tiêu nghiên cứu3

3. Đối tượng nghiên cứu4

4. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu4

4.1. Phạm vi nghiên cứu.....4

4.2. Phương pháp nghiên cứu.....4

4.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu4

4.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu6

5. Kết cấu của đề tài.....6

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN7

1.1. Tổng quan chung về đầu tư phát triển khu công nghiệp.....7

1.1.1. Khái niệm về khu công nghiệp7

1.1.2. Đặc điểm của các khu công nghiệp.....7

1.1.3. Khái niệm đầu tư phát triển khu công nghiệp7

1.1.4. Nguồn vốn đầu tư phát triển khu công nghiệp.....8

1.2. Nội dung của đầu tư phát triển khu công nghiệp8

1.2.1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.....	8
1.2.2. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp	9
1.3. Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.....	10
1.3.1. Khái niệm về thu nhập của người dân.....	10
1.3.2. Tác động tích cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.....	10
1.3.3. Tác động tiêu cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.....	12
1.3.4. Mô hình đánh giá tác động của các yếu tố đến đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân	14
CHƯƠNG 2: TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA DÂN TẠI TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2023 .	17
2.1. Thực trạng đầu tư phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc .	17
2.1.1. Đặc điểm và lợi thế của tỉnh Vĩnh Phúc trong đầu tư phát triển khu công nghiệp.	17
2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Vĩnh Phúc	17
2.1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc.....	17
2.1.2. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.....	20
2.1.3. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp	24
2.1.3.1. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp theo quy mô dự án.....	24
2.1.3.2. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp theo lĩnh vực	25
2.1.3.3. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp theo hình thức đầu tư.....	27
2.1.3.4. Kết quả đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp ...	29

2.2. Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân tại tỉnh Vĩnh Phúc	31
2.2.1. Đối với việc làm của người dân	31
2.2.1.1. Tác động tích cực	31
2.2.1.2. Tác động tiêu cực	33
2.2.2. Đối với thu nhập của người dân	34
2.2.2.1. Tác động tích cực	34
2.2.2.2. Tác động tiêu cực	39
2.3. Đánh giá chung về vai trò của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	40
2.3.1. Tác động tích cực	40
2.3.2. Tác động tiêu cực	41
2.3.3. Nguyên nhân	42
2.3.3.1. Nguyên nhân của tác động tích cực	42
2.3.3.2. Nguyên nhân của tác động tiêu cực	46
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC, HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC..	48
3.1. Quan điểm và định hướng của tỉnh Vĩnh Phúc về đầu tư phát triển khu công nghiệp.....	48
3.1.1. Quan điểm của tỉnh Vĩnh Phúc về đầu tư phát triển khu công nghiệp	48
3.1.2. Định hướng đầu tư phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030	49
3.2. Giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	51
3.2.1. Tạo việc làm ổn định cho người dân tại khu công nghiệp nói riêng và người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói chung	52

3.2.2. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn liền với hoạt động của khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.....	55
3.2.3. Tăng cường trách nhiệm của các công ty, tổ chức nhận đất đối với các hộ dân bị thu hồi đất trên địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc	58
KẾT LUẬN	60
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CNH-HĐH	Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá
DDI	Đầu tư trực tiếp trong nước
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
KCN	Khu công nghiệp
KCNC	Khu công nghệ cao
KCX	Khu chế xuất
KD HTKT	Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật
NĐT	Nhà đầu tư
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Thống kê mô tả về các quan sát.....	5
Bảng 1.1: Các biến số trong mô hình nghiên cứu.....	15
Bảng 2.1: Thông tin chung về các khu công nghiệp tập trung	22
Bảng 2.2: Thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp theo số lượng dự án đầu tư	24
Bảng 2.3: Kết quả thu hút vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	25
Bảng 2.4: Thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp theo lĩnh vực đầu tư	26
Bảng 2.5: Cơ cấu nguồn vốn đầu tư phát triển các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2023	27
Bảng 2.6: Tỷ trọng nguồn vốn đầu tư phát triển các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2023	28
Bảng 2.7: Diện tích đất tự nhiên các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2023	30
Bảng 2.8: Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến việc làm của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2023	31
Bảng 2.11: Mối tương quan giữa số lượng lao động của hộ với thu nhập của người dân	34
Bảng 2.12: Thu nhập bình quân đầu người của một số địa phương của tỉnh Vĩnh Phúc.	34
Bảng 2.13: Kết quả thống kê mô tả các biến	36
Bảng 2.14a: Kết quả kiểm định mức độ phù hợp của mô hình hồi quy	37
Bảng 2.14b: Kết quả phân tích phương sai	37
Bảng 2.15: Các hệ số hồi quy.....	38

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1: Kênh tác động tích cực thứ nhất của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân.....	11
Hình 1.2: Kênh tác động tích cực thứ hai của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân.....	12
Hình 1.3: Kênh tác động tiêu cực thứ nhất của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân.....	13
Hình 1.4: Kênh tác động tiêu cực thứ hai của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân.....	14
Hình 2.1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vĩnh Phúc giai đoạn 2011-2022.....	18
Hình 2.2: Thu hút vốn FDI vào Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2022.....	18
Hình 2.3: Số lượng các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 -2023.....	21
Hình 2.4: Tỷ lệ lấp đầy các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2023 ...	29

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



LÊ THỊ AN

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

TÓM TẮT
ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ
MÃ SỐ: 8310104

HÀ NỘI - 2024

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Từ năm 1986 đến nay, sau gần 40 năm thực hiện đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội của Việt nam đã có những sự cải thiện đáng kể từ tốc độ tăng trưởng kinh tế, tình độ văn hóa - xã hội, mức độ công nghiệp hóa gắn liền với quá trình hiện đại hóa đất nước ngày càng được đẩy mạnh. Tuy nhiên bên cạnh đó, với mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam chính thức trở thành nước công nghiệp hóa - hiện đại hóa đòi hỏi phải đẩy nhanh quá trình thực hiện đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, thực hiện đầu tư vì mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, phục vụ cho mục đích an sinh xã hội và cuộc sống của người dân ngày càng ấm no hạnh phúc.

Trong bối cảnh đó, tại tỉnh Vĩnh Phúc cũng ngày càng nỗ lực trong công cuộc xây dựng hệ thống KCN ổn định, phát triển trước mắt để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương sau đó là thúc đẩy sự phát triển hơn nữa nền kinh tế nước nhà. Cụ thể đến hết năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển 19 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch là 5.487,31ha. Trong đó có 16 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích đất theo quy hoạch được duyệt là 3.168,02 ha và có 3 khu công nghiệp đang triển khai thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư. 8 KCN đã chính thức đi vào hoạt động bao gồm: Kim Hoa, Khai Quang, Bình Xuyên, Bá Thiện, Bình Xuyên II (giai đoạn 1), Bá Thiện II, Tam Dương II - khu A, Thăng Long Vĩnh Phúc. Về cơ bản các khu công nghiệp được lấp đầy bởi các dự án đầu tư thứ cấp. Bên cạnh những mặt tích cực mà tỉnh Vĩnh Phúc đã làm được để thúc đẩy sự phát triển các KCN trong toàn tỉnh thì cũng vẫn còn những mặt hạn chế nhất định. Trước hết là nói về tỉ lệ lấp đầy các KCN, theo ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc cho biết đến tháng 10/2023 tỉ lệ lấp đầy các KCN của tỉnh Vĩnh Phúc chỉ rơi vào khoảng 70,06% trong khi tỷ lệ lấp đầy các

KCN trên cả nước rơi vào khoảng 80%, đặc biệt đối với những tỉnh phía Nam con số này còn vượt mức 85% (Minh Tiến, 2023). Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện đối với các dự án FDI trên vốn đầu tư đăng ký cho đến hết tháng 10 năm 2023 đạt khoảng 60%, đối với các dự án DDI đạt khoảng 41% so với vốn đầu tư đăng kí ban đầu. Các dự án đầu tư vào khu tỉnh Vĩnh Phúc đa số là các dự án vừa và nhỏ, quy mô của các dự án vẫn bị giới hạn, NĐT lại phải mất thời gian khá lâu để tìm hiểu về tất cả những gì mà tỉnh Vĩnh Phúc có để quyết định có thực hiện đầu tư hay không, do đó việc thu hút đầu tư vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập nhất định.

Trước thực trạng đó, tác giả nhận thấy việc nghiên cứu tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc là điều tất yếu. Nghiên cứu của tác giả sẽ xác định các yếu tố tác động đến thu nhập của người dân khi các KCN được hình thành và phát triển bao gồm các yếu tố truyền thống và các yếu tố khác liên quan đến đầu tư phát triển KCN ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Qua đó bài viết cũng sẽ đánh giá được tác động của các yếu tố này đến thu nhập của người dân.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Về mục tiêu nghiên cứu, trong nghiên cứu của mình, tác giả tập trung tìm hiểu về tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân. Câu hỏi nghiên cứu của bài bao gồm:

Thứ nhất, thực trạng đầu tư phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn 2016-2023 như thế nào? Những kết quả đạt được và hạn chế mà đầu tư phát triển khu công nghiệp tác động lên thu nhập của người dân tỉnh Vĩnh Phúc?

Thứ hai, những yếu tố nào của đầu tư phát triển khu công nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc?

Thứ ba, giải pháp nào được đề xuất nhằm hạn chế những tác động tiêu cực, phát huy những mặt tích cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc?

3. Đối tượng nghiên cứu

Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.

4. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Phạm vi nghiên cứu của đề án được thực hiện tại địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Phạm vi thời gian: Số liệu thực hiện nghiên cứu được sử dụng trong giai đoạn 2016-2023.

Phạm vi nội dung: Thực hiện nghiên cứu những tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp (bao gồm cả đầu tư phát triển hạ tầng KCN và đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN) đến thu nhập của người dân, từ đó phân loại được đâu là nhóm tác động tích cực và nhóm tác động tiêu cực trong việc ảnh hưởng đến thu nhập của người dân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Đối với dữ liệu sơ cấp: Dựa vào phiếu khảo sát mức sống của người dân của Tổng cục thống kê năm 2022 (GSO, 2022) để thiết kế mẫu phiếu khảo sát của hộ dân, tác giả thiết kế bảng các câu hỏi cho hộ dân để thực hiện thu thập dữ liệu cho nghiên cứu của mình. Các câu hỏi trong bảng hỏi bao gồm: đặc điểm của hộ gia đình, nguồn lực của hộ gia đình, thu nhập của hộ gia đình. Số lượng phiếu điều tra phát ra là 150 phiếu, số phiếu thu về là 120 phiếu hợp lệ tương ứng với số lượng hộ gia đình trả lời hợp lệ là 120 phiếu. Trong số 120 phiếu điều tra hợp lệ thu về có 67 hộ là hộ nông dân bị mất đất để phục vụ cho hoạt động xây dựng và phát triển khu công nghiệp, 53 hộ còn lại không bị mất đất.

Bảng hỏi được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.

Đối với dữ liệu thứ cấp: Dữ liệu được sử dụng bao gồm dữ liệu về tình hình đầu tư phát triển khu công nghiệp, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp... được thu thập từ Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc.

4.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả: là phương pháp được sử dụng để thu thập và xử lý các con số (mặt lượng) của những hiện tượng số lớn để tìm hiểu bản chất và tính quy luật vốn có của chúng (mặt chất) trong điều kiện có thời gian và địa điểm cụ thể. Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản từ dữ liệu thu thập được qua thực nghiệm bằng những cách thức khác nhau.

Phương pháp hồi quy: Nghiên cứu của tác giả sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập của người dân.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, đề án có kết cấu 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.

Chương 2: Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của dân tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2023.

Chương 3: Giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN

1.3. Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

1.3.1. Khái niệm về thu nhập của người dân

Theo quan điểm của học viên: “*Thu nhập của người dân là khoản tiền lương, tiền công, tiền cho thuê tài sản hoặc khoản tiền còn lại sau khi lấy doanh thu trừ đi các khoản chi phí phát sinh của hoạt động kinh doanh tại mỗi hộ gia đình trong một khoảng thời gian nhất định xuất phát từ các công việc, dịch vụ bất kì*”.

1.3.2. Tác động tích cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

Thứ nhất, đầu tư phát triển các khu công nghiệp cần được xây dựng trên một khu vực xác định, chính vì vậy sẽ cần thu hồi đất của người dân, khi người dân bị thu hồi đất họ sẽ nhận được một khoản tiền đền bù, người dân sẽ sử dụng khoản tiền đền bù này để thay đổi chiến lược sinh kế, từ đó sẽ có tác động tích cực đến thu nhập của người dân nếu khoản tiền này được sử dụng để đầu tư và tiêu dùng một cách hợp lý, là một công cụ để tạo ra thu nhập cho người dân.

Thứ hai, xuất phát từ khái niệm đầu tư phát triển khu công nghiệp, đầu tư phát triển nói chung và đầu tư phát triển các khu công nghiệp nói riêng tạo ra năng lực sản xuất tăng thêm, tạo ra việc làm, năng lực sản xuất mới...

1.3.3. Tác động tiêu cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

Bên cạnh những tác động tích cực mà đầu tư phát triển KCN mang lại thì cũng có những tác động tiêu cực không mong muốn, cụ thể:

Thứ nhất, đầu tư phát triển các khu công nghiệp cần được xây dựng trên một khu vực xác định, chính vì vậy sẽ cần thu hồi đất của người dân, khi đó sẽ có tác động tiêu cực đến thu nhập người dân.

Thứ hai, xuất phát từ khái niệm đầu tư phát triển khu công nghiệp, đầu tư phát triển nói chung và đầu tư phát triển các khu công nghiệp nói riêng tạo ra năng lực sản xuất tăng thêm, tạo ra việc làm, năng lực sản xuất mới... Tuy nhiên, với những đối tượng không kịp thích nghi với những thay đổi sẽ dẫn đến hiện tượng thất nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập của người dân.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

1.4.1. Mô hình đánh giá tác động của các yếu tố đến đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

Từ tổng quan các kênh tác động của đầu tư phát triển các khu công nghiệp đến thu nhập của người dân sống xung quanh các khu công nghiệp, để đánh giá tác động của đầu tư phát triển các khu công nghiệp đến thu nhập của người dân, tác giả sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để đánh giá, mô hình được sử dụng có dạng:

Mô hình hồi qui trong đó biến phụ thuộc Y phụ thuộc vào $k - 1$ biến giải thích X_2, \dots, X_k có dạng:

$$PRF: Y_i = \beta_1 + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \dots + \beta_k X_{ki} + u_i$$

Trong đó: β_1 gọi là hệ số chặn; β_j ($j=2, k$) gọi là các hệ số hồi quy riêng.

CHƯƠNG 2

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA DÂN TẠI TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐẠN 2016 - 2023

2.2. Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân tại tỉnh Vĩnh Phúc

2.2.1. Đối với việc làm của người dân

2.2.1.1. Tác động tích cực

Đầu tư phát triển khu công nghiệp không những chỉ bao gồm việc đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội mà hoạt động đầu tư phát triển các khu công nghiệp còn nhằm mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống người dân thông qua việc tạo ra một lượng lớn công ăn việc làm, góp phần cải thiện thu nhập của người lao động làm việc tại các KCN cũng như người dân sống xung quanh khu công nghiệp.

2.2.1.2. Tác động tiêu cực

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được đó, việc đầu tư phát triển các khu công nghiệp cũng gây ra những tác động tiêu cực, đặc biệt với những lao động không thích ứng được những biến đổi do môi trường sống thay đổi, khu công nghiệp được xây dựng, một bộ phận hộ gia đình và lao động bị thu hồi tư liệu sản xuất, không thích ứng được đã dẫn đến việc thất nghiệp, thu nhập vì thế cũng sẽ giảm. Kết quả khảo sát đối với 120 người dân sống xung quanh các khu công nghiệp cho thấy rằng, có những tác động tiêu cực về thất nghiệp do đầu tư phát triển khu công nghiệp gây ra cho người dân sống xung quanh khu công nghiệp.

2.2.2. Đối với thu nhập của người dân

2.2.2.1. Tác động tích cực

Đầu tư phát triển khu công nghiệp có tác động tích cực cũng như tiêu cực nhất định đối với việc làm của người dân sống xung quanh các khu công nghiệp, vì vậy

nó cũng có những ảnh hưởng đến thu nhập của người dân.

2.2.2.2. Tác động tiêu cực

Theo kết quả thống kê mô tả cũng như kết quả lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, tác giả đánh giá biến số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng KCN là biến có tác động tiêu cực đến thu nhập của người dân.

2.3. Đánh giá chung về vai trò của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

2.3.1. Tác động tích cực

Thứ nhất, sau khi đầu tư phát triển khu công nghiệp, các nhà đầu tư đến sản xuất kinh doanh tại đây, số lượng việc làm được tạo ra cho người dân xung quanh khu công nghiệp và người dân những khu vực phụ cận ngày càng được tăng lên.

Thứ hai, đầu tư phát triển khu công nghiệp cũng đã mang lại tác động tích cực đến thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Thứ ba, công việc và thu nhập của người dân ổn định hơn sau khi đầu tư phát triển khu công nghiệp.

2.3.2. Tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực mà đầu tư phát triển khu công nghiệp mang lại cho thu nhập của người dân thì vẫn còn những tác động tiêu cực cần phải nhắc đến như:

Thứ nhất, sụt giảm trong thu nhập của người dân không kịp thích ứng.

Thứ hai, hiện tượng thất nghiệp xảy ra khi người dân chưa thích nghi được với sự thay đổi bối cảnh do đầu tư phát triển khu công nghiệp.

2.3.3. Nguyên nhân

2.3.3.1. Nguyên nhân của tác động tích cực

Thứ nhất, tỉnh Vĩnh Phúc đã có những chính sách đầu tư tương đối hợp lý, đặc biệt là hoạt động đầu tư công: điện, đường, trường, trạm để phục vụ cho sự phát triển của các khu công nghiệp cũng như thu hút đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài

Thứ hai, hoạt động quy hoạch đầu tư phát triển KCN của địa phương có chủ đích, có mục tiêu và tầm nhìn dài hạn.

Thứ ba, các chương trình xúc tiến đầu tư được thực hiện đều đặn, có sự phối

hợp giữa các bộ ban ngành liên quan.

Thứ tư, chính sách đền bù giải phóng mặt bằng đã có sự cải thiện, tuy không rõ rệt nhưng cũng đã thể hiện được quyết tâm và nỗ lực của các ban ngành đoàn thể trong công tác này.

Thứ năm, về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên.

2.3.3.2. Nguyên nhân của tác động tiêu cực

Thứ nhất, chất lượng quy hoạch các KCN của tỉnh Vĩnh Phúc vẫn chưa thực sự tốt, tầm nhìn dài hạn cũng như tính bền vững chưa được đặt chung vào với quy hoạch phát triển KCN của địa phương

Thứ hai, chương trình xúc tiến đầu tư của Ban quản lý các KCN trên địa bàn tỉnh cùng với kế hoạch xúc tiến đầu tư của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc vẫn chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả

Thứ ba, các chính sách liên quan đến vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng thường xuyên thay đổi, chưa phản ánh chính xác điều kiện của địa phương dẫn đến khó khăn trong việc xác định mức bồi thường hợp lý cho cả nhà đầu tư và người dân.

Thứ tư, công tác xây dựng nhà ở cho công nhân vẫn chưa được quan tâm, chú trọng

Thứ năm, trình độ, kỹ năng tay nghề của người dân chưa thực sự đáp ứng với nhu cầu của các doanh nghiệp công nghệ cao

Thứ sáu, khu công nghiệp phát triển đồng thời đời sống vật chất tinh thần của người dân cũng tăng cao, nhu cầu cuộc sống cũng ngày càng được đòi hỏi cao hơn, do vậy các chi phí sinh hoạt cũng ngày càng biến đổi theo hướng đắt hơn.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC, HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

3.2.1. Tạo việc làm ổn định cho người dân tại khu công nghiệp nói riêng và người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói chung

3.2.2. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn liền với hoạt động của khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

3.2.3. Tăng cường trách nhiệm của các công ty, tổ chức nhận đất đối với các hộ dân bị thu hồi đất trên địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc

KẾT LUẬN

Đầu tư, phát triển khu công nghiệp cũng như thu nhập của người dân tại các khu công nghiệp cũng như các địa bàn lân cận đã nhận được sự quan tâm không hề nhỏ đến từ các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương, thậm chí là cả các nhà kinh tế tư nhân trong và ngoài nước. Nghiên cứu của tác giả đã tổng hợp, so sánh sự khác biệt giữa thu nhập của người dân tại khu vực có khu công nghiệp và không có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Kế thừa và phát huy những nghiên cứu trước đây, tác giả thực hiện hệ thống hóa những lý luận liên quan đến đề tài: Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.

Dựa trên khung lý thuyết được xây dựng, tác giả sử dụng mô hình nghiên cứu để phân tích các chỉ tiêu đã trình bày trong nghiên cứu của mình.

Trên cơ sở dữ liệu đã thu thập được tại tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 2016 đến năm 2023, tác giả đã phân tích được thực trạng đầu tư phát triển khu công nghiệp, đánh giá mức độ ảnh hưởng của khu công nghiệp đến thu nhập của người dân. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp; Hệ thống giao thông sau khi có KCN; Vị trí đất đai của hộ gia đình có tác động tích cực tới thu nhập của người dân, trong khi đó số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng Khu công nghiệp có tác động tiêu cực tới thu nhập của người dân. Cũng trong nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến việc làm, hệ thống cơ sở hạ tầng, qua đánh giá của người dân và cán bộ quản lý cho rằng đầu tư phát triển khu công nghiệp có tác động tích cực đến việc làm của người dân và hệ thống cơ sở hạ tầng.

Trên cơ sở những tác động tích cực, những tác động tiêu cực và những nguyên nhân của tác động tiêu cực trong việc đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, những định hướng và mục tiêu của tỉnh Vĩnh Phúc, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực mà đầu tư phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc mang lại.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



LÊ THỊ AN

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

NGÀNH KINH TẾ ĐẦU TƯ

MÃ SỐ: 8310104

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. PHẠM VĂN HÙNG

HÀ NỘI - 2024

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Từ năm 1986 đến nay, sau gần 40 năm thực hiện đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam đã có những sự cải thiện đáng kể từ tốc độ tăng trưởng kinh tế, trình độ văn hóa - xã hội, mức độ công nghiệp hóa gắn liền với quá trình hiện đại hóa đất nước ngày càng được đẩy mạnh. Tuy nhiên bên cạnh đó, với mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam chính thức trở thành nước công nghiệp hóa - hiện đại hóa đòi hỏi phải đẩy nhanh quá trình thực hiện đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, thực hiện đầu tư vì mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, phục vụ cho mục đích an sinh xã hội và cuộc sống của người dân ngày càng ấm no hạnh phúc.

Áp dụng kinh nghiệm của những nước có ngành công nghiệp phát triển đặc biệt là sự phát triển của các KCN, Việt Nam cũng đưa sự phát triển của các KCN gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Từ đó hình thành và phát triển KCN kích thích sự phát triển của các ngành dịch vụ, công nghiệp phụ trợ và tạo ra khối lượng công ăn việc làm lớn cho bản thân địa phương có KCN và các địa phương lân cận. KCN không chỉ là nơi tạo điều kiện đầu tư hoạt động sản xuất kinh doanh cho NĐT trong nước mà còn là nơi hấp dẫn thu hút hoạt động đầu tư của những NĐT nước ngoài, tạo ra năng lực cạnh tranh cho môi trường đầu tư của đất nước. Theo Bộ kế hoạch và Đầu tư, đến hết tháng 12 năm 2022, Việt Nam có hơn 400 KCN trong đó có 4 khu chế xuất. Tổng diện tích đất tự nhiên là gần 130.000 ha trong đó diện tích đất công nghiệp là hơn 86.000 ha, chiếm đến 67%. Trong tổng số hơn 400 KCN của nước ta tính đến hết năm 2022 thì có khoảng 290 KCN đã xây dựng xong và đi vào hoạt động, số lượng KCN vẫn đang trong giai đoạn đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ bản. Cũng theo dữ liệu thống kê cho biết đến hết năm 2022 có tổng 26 khu kinh tế cửa khẩu được thành lập tại 21 tỉnh và 18 khu kinh tế ven biển được thành lập trên 17 tỉnh thành. Cho đến nay số lượng các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào các khu vực này là khoảng 65 quốc gia trong đó Hàn Quốc là quốc gia có số dự án đầu tư lớn nhất là khoảng 2.500 dự án, Nhật Bản xếp thứ hai với khoảng 1.500 dự án tiếp theo là Singapore và các quốc gia khác như Trung Quốc, Đài Loan... Thực tế

cho thấy sau quá trình dài hình thành và phát triển, cụ thể là vào khoảng 30 năm xây dựng và phát triển các KCN trên cả nước đã giúp Việt Nam thu hút được số lượng vốn đầu tư lớn của cả nước ngoài và trong nước, đồng thời góp phần đẩy nhanh quá trình CNH-HĐH đất nước. Giúp nền kinh tế nước nhà gấp rút theo được các nền kinh tế phát triển trên thế giới.

Trong bối cảnh đó, tại tỉnh Vĩnh Phúc cũng ngày càng nỗ lực trong công cuộc xây dựng hệ thống KCN ổn định, phát triển, trước mắt để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương sau đó là thúc đẩy sự phát triển hơn nữa nền kinh tế nước nhà. Cụ thể đến hết năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển 19 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch là 5.487,31ha. Trong đó có 16 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích đất theo quy hoạch được duyệt là 3.168,02 ha và có 3 khu công nghiệp đang triển khai thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư. 8 KCN đã chính thức đi vào hoạt động bao gồm: Kim Hoa, Khai Quang, Bình Xuyên, Bá Thiện, Bình Xuyên II (giai đoạn 1), Bá Thiện II, Tam Dương II - khu A, Thăng Long Vĩnh Phúc. Về cơ bản các khu công nghiệp được lấp đầy bởi các dự án đầu tư thứ cấp. Bên cạnh những mặt tích cực mà tỉnh Vĩnh Phúc đã làm được để thúc đẩy sự phát triển các KCN trong toàn tỉnh thì cũng vẫn còn những mặt hạn chế nhất định. Trước hết là nói về tỉ lệ lấp đầy các KCN, theo ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc cho biết đến tháng 10/2023 tỉ lệ lấp đầy các KCN của tỉnh Vĩnh Phúc chỉ rơi vào khoảng 70,06% trong khi tỷ lệ lấp đầy các KCN trên cả nước rơi vào khoảng 80%, đặc biệt đối với những tỉnh phía Nam con số này còn vượt mức 85% (Minh Tiến, 2023). Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện đối với các dự án FDI trên vốn đầu tư đăng ký cho đến hết tháng 10 năm 2023 đạt khoảng 60%, đối với các dự án DDI đạt khoảng 41% so với vốn đầu tư đăng kí ban đầu. Các dự án đầu tư vào khu tỉnh Vĩnh Phúc đa số là các dự án vừa và nhỏ, quy mô của các dự án vẫn bị giới hạn, NĐT lại phải mất thời gian khá lâu để tìm hiểu về tất cả những gì mà tỉnh Vĩnh Phúc có để quyết định có thực hiện đầu tư hay không, do đó việc thu hút đầu tư vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập nhất định.

Ngoài ra, khi các KCN được thành lập đã tác động trực tiếp lên thu nhập của người dân bị mất đất cho KCN nói riêng và người dân xung quanh KCN nói chung, một lượng lớn diện tích đất nông nghiệp, đất thổ cư của người lao động sẽ bị thu hồi.

Theo như số liệu mà Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn cho biết, hàng năm có khoảng 73 nghìn ha đất nông nghiệp bị thu hồi cho nhiều mục đích khác nhau, tác động trực tiếp đến thu nhập của người dân nói riêng và đời sống xã hội nói chung của 2,5 triệu người dân. Thêm vào đó cứ 1ha đất trung bình bị thu hồi thì có đến 10 lao động bị thất nghiệp gây ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của người lao động. Tại tỉnh Vĩnh Phúc có đến 19 KCN đã được quy hoạch, 16 KCN đã và đang xây dựng, 8 KCN đã đi và hoạt động, tổng diện tích đất tự nhiên là 3.168,02 ha trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm khoảng 30% phần lớn của người dân. Chính vì vậy, một số lượng không hề nhỏ người lao động lớn tuổi hoặc không có chuyên môn, thậm chí là lao động chưa đủ 16 tuổi đã rơi vào tình trạng thất nghiệp, không có việc làm. Điều này bắt buộc phải có giải pháp để tạo lại nguồn thu nhập hay công việc cho những người lao động này.

Trước thực trạng đó, tác giả nhận thấy việc nghiên cứu tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc là điều tất yếu. Nghiên cứu của tác giả sẽ xác định các yếu tố tác động đến thu nhập của người dân khi các KCN được hình thành và phát triển bao gồm các yếu tố truyền thống và các yếu tố khác liên quan đến đầu tư phát triển KCN ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Qua đó bài viết cũng sẽ đánh giá được tác động của các yếu tố này đến thu nhập của người dân.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Về mục tiêu nghiên cứu, trong nghiên cứu của mình, tác giả tập trung tìm hiểu về tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân. Qua tìm hiểu và thực hiện nghiên cứu có thể đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực mà hoạt động đầu tư phát triển khu công nghiệp tới thu nhập của người dân. Câu hỏi nghiên cứu của bài bao gồm:

Thứ nhất, thực trạng đầu tư phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn 2016-2023 như thế nào? Những kết quả đạt được và hạn chế mà đầu tư phát triển khu công nghiệp tác động lên thu nhập của người dân tỉnh Vĩnh Phúc?

Thứ hai, những yếu tố nào của đầu tư phát triển khu công nghiệp ảnh hưởng đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc?

Thứ ba, giải pháp nào được đề xuất nhằm hạn chế những tác động tiêu cực, phát huy những mặt tích cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc?

3. Đối tượng nghiên cứu

Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.

4. Phạm vi và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Phạm vi nghiên cứu của đề án được thực hiện tại địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Phạm vi thời gian: Số liệu thực hiện nghiên cứu được sử dụng trong giai đoạn 2016-2023.

Phạm vi nội dung: Thực hiện nghiên cứu những tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp (bao gồm cả đầu tư phát triển hạ tầng KCN và đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN) đến thu nhập của người dân, từ đó phân loại được đâu là nhóm tác động tích cực và nhóm tác động tiêu cực trong việc ảnh hưởng đến thu nhập của người dân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Đối với dữ liệu sơ cấp: Dựa vào phiếu khảo sát mức sống của người dân của Tổng cục thống kê năm 2022 (GSO, 2022) để thiết kế mẫu phiếu khảo sát của hộ dân, tác giả thiết kế bảng các câu hỏi cho hộ dân để thực hiện thu thập dữ liệu cho nghiên cứu của mình. Các câu hỏi trong bảng hỏi bao gồm: đặc điểm của hộ gia đình, nguồn lực của hộ gia đình, thu nhập của hộ gia đình. Số lượng phiếu điều tra phát ra là 150 phiếu, số phiếu thu về là 120 phiếu hợp lệ tương ứng với số lượng hộ gia đình trả lời hợp lệ là 120 phiếu. Trong số 120 phiếu điều tra hợp lệ thu về có 67 hộ là hộ nông dân bị mất đất để phục vụ cho hoạt động xây dựng và phát triển khu công nghiệp, 53 hộ còn lại không bị mất đất.

Bảng hỏi được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.

Số liệu sơ cấp được thu thập từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2024 bằng cách sử dụng bảng câu hỏi và phỏng vấn trực tiếp chủ hộ gia đình tại các gia đình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa bàn điều tra bao gồm:

Cấp huyện/thị xã: Tác giả lựa chọn 2 huyện tập trung nhiều KCN nhất và 1 huyện tập trung ít KCN của tỉnh Vĩnh Phúc là: Thành phố Vĩnh Yên, Huyện Bình Xuyên là 2 huyện có nhiều KCN tập trung và huyện Tam Dương là huyện ít KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Cấp xã: tác giả lựa chọn các xã có khu công nghiệp và các xã không có khu công nghiệp bao gồm: Xã Thiện Kế, thị trấn Bá Hiến, thị trấn Hương Canh, xã Đạo Đức (huyện Bình Xuyên); Phường Khai Quang (thành phố Vĩnh Yên) là các xã mà người dân bị thu hồi đất do thành lập và phát triển các KCN. Các xã An Hoà, Duy Phiên (Huyện Tam Dương) là các xã không có KCN, người dân không bị mất đất.

Mỗi huyện tác giả thực hiện khảo sát 50 hộ gia đình trong đó có đảm bảo số phiếu được khảo sát tại những xã có hộ gia đình bị mất đất và hộ gia đình tại xã không bị mất đất.

Kết quả thống kê mô tả về các quan sát:

Bảng 1: Thống kê mô tả về các quan sát

Tiêu chí	ĐVT	Tần xuất
Giới tính	Người	120
1. Nam	Người	72
2. Nữ	Người	48

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Đối với dữ liệu thứ cấp: Dữ liệu được sử dụng bao gồm dữ liệu về tình hình đầu tư phát triển khu công nghiệp, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp... được thu thập từ Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc.

4.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Phương pháp thống kê mô tả: là phương pháp được sử dụng để thu thập và xử lý các con số (mặt lượng) của những hiện tượng số lớn để tìm hiểu bản chất và tính quy luật vốn có của chúng (mặt chất) trong điều kiện có thời gian và địa điểm cụ thể. Thống kê mô tả được sử dụng để mô tả những đặc tính cơ bản từ dữ liệu thu thập được qua thực nghiệm bằng những cách thức khác nhau.

Phương pháp hồi quy: Nghiên cứu của tác giả sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến thu nhập của người dân.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, đề án có kết cấu 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.

Chương 2: Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của dân tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2023.

Chương 3: Giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN

1.1. Tổng quan chung về đầu tư phát triển khu công nghiệp

1.1.1. Khái niệm về khu công nghiệp

Tại Việt Nam, theo nghị định số 29/2008/NĐ-CP và nghị định số 164/2013/NĐ-CP của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 29/2008/NĐ-CP, theo đó: “Khu công nghiệp là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định này”.

1.1.2. Đặc điểm của các khu công nghiệp

Thứ nhất, về tính chất hoạt động: KCN là nơi hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp kinh doanh trong nhiều lĩnh vực công nghiệp dịch vụ khác nhau mà không có dân cư sinh sống bên trong đó.

Thứ hai, về hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của các KCN nhìn chung đều được đầu tư xây dựng, hoàn thiện nhằm tạo điều kiện để thu hút các doanh nghiệp đến KCN đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.

Thứ ba, về tổ chức quản lý. Mỗi KCN đều thành lập những ban quản lý KCN riêng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với những hoạt động diễn ra trong KCN.

Thứ tư, tạo ra nguồn lực đầu vào sẵn có.

1.1.3. Khái niệm đầu tư phát triển khu công nghiệp

Đầu tư phát triển KCN là toàn bộ những hoạt động đầu tư bao gồm các hoạt động huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư nhằm xây dựng và phát triển các KCN trong một khoảng thời gian nhất định tại một địa điểm nhất định nhằm tận dụng tối đa các nguồn lực về kinh tế, chính trị, xã hội của địa điểm đó để phát triển.

Hoạt động đầu tư phát triển KCN được tiến hành thực hiện và xây dựng thông qua hàng loạt các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các dự án đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất công nghiệp kỹ thuật và dịch vụ do các nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài hoặc có sự phối kết hợp của cả nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài theo những hợp đồng hợp tác kinh doanh.

1.1.4. Nguồn vốn đầu tư phát triển khu công nghiệp

Các nguồn vốn được huy động để phát triển khu công nghiệp bao gồm:

- Nguồn vốn đầu tư và phát triển thuộc nguồn vốn của địa phương cũng như nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương.
- Nguồn vốn từ việc phát hành trái phiếu công trình.
- Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn tín dụng ưu đãi.

Ngoài ra còn có các nguồn vốn khác mà KCN được phép thu hút như: BOT, BT, BTO và hàng loạt các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Nội dung của đầu tư phát triển khu công nghiệp

1.2.1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KCN được cho là đầu tư đồng thời hai nội dung bao gồm: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng (CSHT) kỹ thuật và đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội.

a. Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong hàng rào KCN và đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên ngoài hàng rào KCN là 2 nội dung của đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật.

Trước hết, đầu tư CSHT trong hàng rào KCN: được thực hiện bởi những doanh nghiệp có quyền thuê đất của nhà nước hoặc có sự liên doanh liên kết với những đối tác Việt Nam có quyền sử dụng đất. Theo đó nhà đầu tư này sẽ tiến hành đền bù, san lấp, giải phóng mặt bằng, thực hiện chia lô, xây dựng các kết cấu hạ tầng trên khu đất đó trong phạm vi bên trong hàng rào KCN. Sau khi hoàn thiện hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, chia lô, nhà đầu tư sẽ cho thuê lại những lô đất đó hoặc chuyển quyền sử dụng những lô đất đã được đầu tư về cơ sở hạ tầng để các doanh nghiệp kinh doanh trong KCN thuê lại.

Thứ hai, với hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào KCN. Khi nói đến đầu tư cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào KCN là nói đến hoạt động xây dựng hệ thống điện, đường giao thông, cầu, hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống vận chuyển...đây là một trong những yếu tố chính nhằm hấp dẫn, thu hút NĐT.

b. Đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội bao gồm các công trình như nhà ở, bệnh viện, trạm y tế, trường học, trung tâm thương mại, chợ, khu vui chơi giải trí... để đáp ứng nhu cầu và tinh thần cũng như sinh hoạt của người dân, người lao động trong KCN. Hoạt động đầu tư phát triển KCN gắn chặt với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội, do đó sẽ phát sinh ra những tình trạng di dân từ những khu vực ít KCN đến những khu vực có KCN. Chính vì vậy, việc đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội là cần thiết để đáp ứng cuộc sống của người lao động và người dân xung quanh KCN.

1.2.2. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp

Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong KCN là mục tiêu chính cho hoạt động đầu tư phát triển KCN. Như đã trình bày ở trên, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong KCN sẽ tạo điều kiện cho tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương có KCN ngày càng phát triển, tạo điều kiện cho hàng trăm ngàn lao động đang thất nghiệp tại chính địa phương đó và những địa phương khác có công việc.

Các lĩnh vực chủ yếu của hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN là lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ trong đó lĩnh vực công nghiệp chiếm tỉ trọng cao hơn cả.

Nguồn vốn được sử dụng cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong KCN chủ yếu xuất phát từ 2 nguồn chính là nguồn vốn trong nước và nguồn vốn nước ngoài trong đó nguồn vốn trong nước bắt nguồn từ nguồn vốn từ nhà nước, nguồn vốn của các doanh nghiệp tư nhân và khoản tiết kiệm của dân cư. Nguồn vốn nước ngoài hay còn gọi là nguồn vốn của nhà đầu tư nước ngoài chủ yếu là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đây được coi là nguồn vốn đầu tư dài hạn của một cá nhân hoặc một tổ chức nước ngoài vào KCN để tiến hành xây dựng các cơ sở sản xuất kinh doanh, từ đó tiến hành sản xuất và cung ứng sản phẩm ra thị trường.

1.3. Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

1.3.1. Khái niệm về thu nhập của người dân

Theo quan điểm của Lê Đình Hải (2017): “Thu nhập của người dân là phần thu nhập có được sau khi lấy tổng doanh thu trừ cho tổng chi phí vật chất và dịch vụ cũng như khấu hao và thuế trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm)”. Như vậy thu nhập của người dân sẽ bao gồm: Thu nhập từ tiền công, tiền lương; Thu từ sản xuất nông, lâm, thủy sản (đã trừ chi phí sản xuất và thuế sản xuất); Thu từ sản xuất ngành nghề phi nông, lâm nghiệp, thủy sản sau khi đã trừ các loại phí liên quan đến sản xuất và thuế sản xuất. Cuối cùng là các khoản thu khác.

Thông qua những khái niệm trên, theo quan điểm của học viên: “*Thu nhập của người dân là khoản tiền lương, tiền công, tiền cho thuê tài sản hoặc khoản tiền còn lại sau khi lấy doanh thu trừ đi các khoản chi phí phát sinh của hoạt động kinh doanh tại mỗi hộ gia đình trong một khoảng thời gian nhất định xuất phát từ các công việc, dịch vụ bất kì*”.

1.3.2. Tác động tích cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

Về bản chất, tác động của hành động tới một sự vật, hiện tượng là ảnh hưởng của hành động tới sự vật, hiện tượng đó, gây ra những biến đổi nhất định cho sự vật, hiện tượng được hành động hướng tới. Tác động giữa đầu tư phát triển khu công nghiệp và thu nhập người dân chính là những ảnh hưởng của hoạt động đầu tư phát triển với khách thể là khu công nghiệp tới thu nhập của người dân, nó gây ra những thay đổi trong thu nhập người dân sống xung quanh các khu công nghiệp.

Đối tượng người dân được nghiên cứu hướng tới bao gồm cả người dân bị mất đất do xây dựng các khu công nghiệp và người dân không bị mất đất, những người dân không bị mất đất nghiên cứu lựa chọn đảm bảo phải sống xung quanh các khu công nghiệp và chịu sự tác động bao gồm cả những tác động tích cực và tác động tiêu cực của các khu công nghiệp.

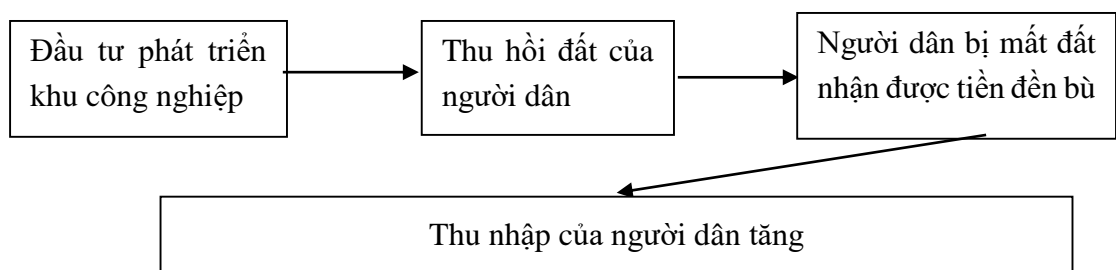
Thực tế cho thấy, đầu tư phát triển các khu công nghiệp đã tạo ra những thay đổi đáng kể trên tất cả các phương diện về kinh tế, xã hội, và môi trường xung quanh

các khu công nghiệp được xây dựng. Khi chưa có các khu công nghiệp, các khu vực, các địa phương và bản thân các quốc gia cũng có những thay đổi trên tất cả các phương diện đó, tuy nhiên mức độ và tốc độ thay đổi là tương đối có phần chậm hơn. Khi có các khu công nghiệp được xây dựng, nó như chất xúc tác góp phần làm các quá trình thay đổi đó được diễn ra nhanh hơn, hoặc cũng có thể nó tác động làm thay đổi các chiều hướng biến động của các hoạt động, ví dụ như sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương nó diễn ra như một tất yếu khách quan và nó đang diễn ra ngay cả ở những địa phương không có khu công nghiệp. Đối với các địa phương có khu công nghiệp thì quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra nhanh hơn, hay sự suy thoái về môi trường đang là xu hướng phổ biến ở nông thôn, ở thành thị (cả những nơi có khu công nghiệp và những nơi không có khu công nghiệp), tuy nhiên, những khu vực có khu công nghiệp dường như sự suy thoái về môi trường diễn ra nhanh hơn.

Kế thừa nghiên cứu trước đó của Phạm Văn Hùng, Từ Quang Phương (2012), Saumik Paul và cộng sự (2013), Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự (2012), Tran Quang Tuyen (2013)... Tác động tích cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân được thể hiện thông qua các kênh như sau:

Thứ nhất, đầu tư phát triển các khu công nghiệp cần được xây dựng trên một khu vực xác định, chính vì vậy sẽ cần thu hồi đất của người dân, khi người dân bị thu hồi đất họ sẽ nhận được một khoản tiền đền bù, người dân sẽ sử dụng khoản tiền đền bù này để thay đổi chiến lược sinh kế, từ đó sẽ có tác động tích cực đến thu nhập của người dân nếu khoản tiền này được sử dụng để đầu tư và tiêu dùng một cách hợp lý, là một công cụ để tạo ra thu nhập cho người dân.

+) Kênh tác động tích cực thứ nhất



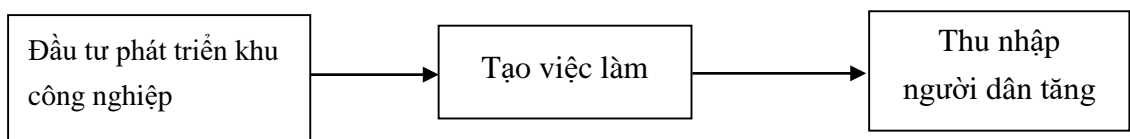
Hình 1.1: Kênh tác động tích cực thứ nhất của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân

Nguồn: Xây dựng của học viên

Nếu người dân thích ứng được tốt với những thay đổi do đầu tư phát triển khu công nghiệp gây ra, họ sử dụng có hiệu quả khoản tiền đền bù từ thu hồi đất, họ sẽ có chiến lược sinh kế mới tốt, từ đó thu nhập của họ sẽ thay đổi theo hướng tích cực trong dài hạn.

Thứ hai, xuất phát từ khái niệm đầu tư phát triển khu công nghiệp, đầu tư phát triển nói chung và đầu tư phát triển các khu công nghiệp nói riêng tạo ra năng lực sản xuất tăng thêm, tạo ra việc làm, năng lực sản xuất mới...

+) Kênh tác động tích cực thứ hai



Hình 1.2: Kênh tác động tích cực thứ hai của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân

Nguồn: Xây dựng của tác giả

Với những hộ dân có thể tìm được việc làm từ các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất trong khu công nghiệp, điều này tác động tích cực đến thu nhập người dân, làm tăng thu nhập của người dân sống xung quanh các khu công nghiệp. Những công việc được tạo ra cũng có thể do việc gián tiếp của đầu tư phát triển các khu công nghiệp khi các dịch vụ hỗ trợ được mở ra để phục vụ đầu tư phát triển các khu công nghiệp, điều này cũng tạo ra thu nhập cho người dân sống xung quanh khu công nghiệp, từ đó làm tăng thu nhập cho người dân sống xung quanh khu công nghiệp.

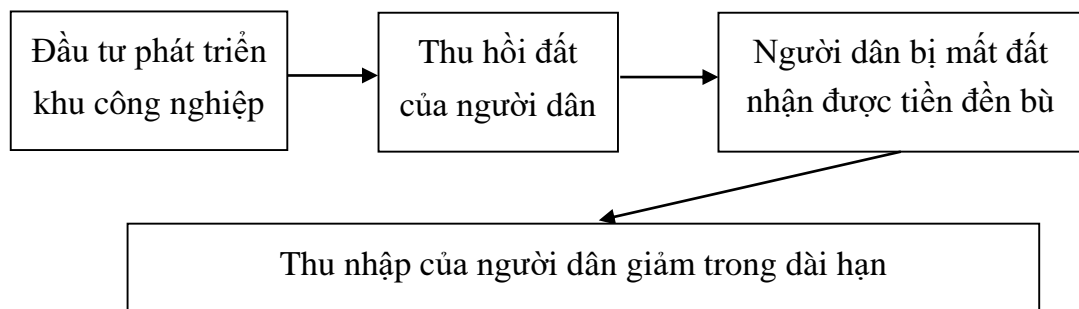
1.3.3. Tác động tiêu cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

Bên cạnh những tác động tích cực mà đầu tư phát triển KCN mang lại thì cũng có những tác động tiêu cực không mong muốn, cụ thể: Đầu tư phát triển các khu công nghiệp có ảnh hưởng đến thu nhập người dân, nó có ảnh hưởng theo cả hai chiều tới thu nhập của người dân. Đầu tư phát triển khu công nghiệp có thể làm giảm thu nhập của các hộ dân bị mất đất, cũng như ảnh hưởng tới thu nhập của các hộ dân sống xung quanh các khu công nghiệp (nguyên nhân là do chất thải, khí thải.. của các khu công

ng nghiệp có ảnh hưởng đến năng suất mùa vụ của người dân...), bên cạnh đó, những hộ gia đình bị thu hồi đất chưa kịp thích nghi với cuộc sống mới, chưa có chiến lược sinh kế mới phù hợp với hoàn cảnh mới khi các khu công nghiệp được xây dựng, lao động trong các hộ gia đình mất việc làm và không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp... Như vậy, ảnh hưởng của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân sẽ là những ảnh hưởng tiêu cực.

Thứ nhất, đầu tư phát triển các khu công nghiệp cần được xây dựng trên một khu vực xác định, chính vì vậy sẽ cần thu hồi đất của người dân, khi đó sẽ có tác động tiêu cực đến thu nhập người dân theo cơ chế như sau:

+) Kênh tác động tiêu cực thứ nhất



Hình 1.3: Kênh tác động tiêu cực thứ nhất của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân

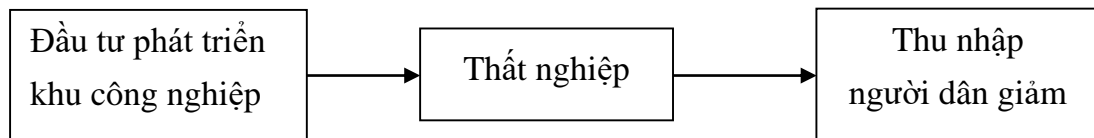
Nguồn: Xây dựng của học viên

Khi người dân nhận được khoản tiền đền bù, nếu người dân không có chiến lược sinh kế mới hiệu quả, họ sẽ có sự gia tăng về thu nhập trong một khoảng thời gian nhất định, khi sử dụng khoản tiền đền bù đó hết, thu nhập của người dân sẽ gặp những bất lợi do không còn tư liệu sản xuất, không thích ứng được với điều kiện sinh sống mới, khi đó thu nhập của họ sẽ giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập và chất lượng cuộc sống của hộ gia đình.

Thêm vào đó, đầu tư phát triển KCN có thể gây ra tình trạng thất nghiệp đặc biệt với những hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp, đất thổ cư dẫn đến người dân không có đất để trồng trọt, chăn nuôi, thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh vốn có gây ra ảnh hưởng nặng nề đến thu nhập hàng tháng của người lao động, thu nhập của họ sẽ giảm.

Thứ hai, xuất phát từ khái niệm đầu tư phát triển khu công nghiệp, đầu tư phát triển nói chung và đầu tư phát triển các khu công nghiệp nói riêng tạo ra năng lực sản xuất tăng thêm, tạo ra việc làm, năng lực sản xuất mới... Tuy nhiên, với những đối tượng không kịp thích nghi với những thay đổi sẽ dẫn đến hiện tượng thất nghiệp, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập của người dân.

+) Kênh tác động tiêu cực thứ hai:



Hình 1.4: Kênh tác động tiêu cực thứ hai của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập người dân

Nguồn: Xây dựng của tác giả

Khi đầu tư phát triển các khu công nghiệp, nếu người dân không thể thích ứng được với những thay đổi do đầu tư phát triển khu công nghiệp tạo ra, người dân sẽ có nguy cơ bị thất nghiệp, điều này gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của người dân sống xung quanh các khu công nghiệp.

1.3.4. Mô hình đánh giá tác động của các yếu tố đến đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân

Từ tổng quan các kênh tác động của đầu tư phát triển các khu công nghiệp đến thu nhập của người dân sống xung quanh các khu công nghiệp, để đánh giá tác động của đầu tư phát triển các khu công nghiệp đến thu nhập của người dân, tác giả sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để đánh giá, mô hình được sử dụng có dạng:

Mô hình hồi qui trong đó biến phụ thuộc Y phụ thuộc vào $k - 1$ biến giải thích X_2, \dots, X_k có dạng:

$$PRF: Y_i = \beta_1 + \beta_2 X_{2i} + \beta_3 X_{3i} + \dots + \beta_k X_{ki} + u_i$$

Trong đó: β_1 gọi là hệ số chặn; β_j ($j=2, k$) gọi là các hệ số hồi quy riêng.

Các biến số được sử dụng trong nghiên cứu được thể hiện ở bảng 1.1.

Bảng 1.1: Các biến số trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Ký hiệu	Diễn giải	Căn cứ lựa chọn biến
Biến phụ thuộc			
Thu nhập (Triệu đồng/năm)	Y	Thu nhập được hiểu là toàn bộ khoản thu nhập mà hộ dân thuộc đối tượng khảo sát kiếm được trong một năm. Thu nhập được tính bằng triệu đồng/năm.	Nguyễn Quốc Nghi (2012); Tran Quang Tuyen (2013)
Biến độc lập			
Diện tích đất bị thu hồi do xây dựng khu công nghiệp (M2)	Acr	Là phần diện tích đất mà hộ gia đình bị thu hồi khi xây dựng các khu công nghiệp. Đơn vị tính là m ² . Theo nghiên cứu của Nguyen Van Suu (2009) khi hộ gia đình mất đất do xây dựng khu công nghiệp hay phục vụ cho các mục đích khác, một bộ phận người dân sẽ có thu nhập tăng lên khi có đủ điều kiện nguồn lực cũng như tận dụng tốt lợi thế của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Tuy nhiên một bộ phận người dân khác sẽ phải đối mặt với cuộc sống bất an bởi khi mất đất họ sẽ thất nghiệp. Theo nghiên cứu của Nguyen, V. C., McGrath, T., & Pamela, W. (2006), khi mất đất nông nghiệp, người dân sẽ rơi vào đói nghèo, mất đất có ảnh hưởng tiêu cực tới thu nhập của người dân.	Lê Thị Yến (2017); Nguyen Van Suu (2009); Nguyen, V. C., McGrath, T., & Pamela, W. (2006).

Tên biến	Ký hiệu	Diễn giải	Căn cứ lựa chọn biến
Số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp	Employ	Là số lượng việc làm tính cho mỗi hộ gia đình có thêm khi các khu công nghiệp được xây dựng. Đơn vị tính là Người lao động	Lê Du Phong (2007); Tran Quang Tuyen (2013).
Số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng Khu công nghiệp	Unemploy	Là số lượng lao động của mỗi hộ gia đình bị thất nghiệp khi khu công nghiệp được xây dựng. Đơn vị tính: Người lao động	Lê Du Phong (2007); Nguyen Van Suu (2009); Le Thị Yến (2017)
Vị trí đất đai của hộ gia đình	VTDD	Đây là biến số xem xét vị trí của đất đai hộ gia đình, vị trí đất ở của hộ gia đình thuận lợi cho kinh doanh và công việc sẽ được mã hóa là 1 và không thuận lợi mã hóa là 0.	DFID (1999)

Nguồn: Tổng hợp của học viên

CHƯƠNG 2

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA DÂN TẠI TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2023

2.1. Thực trạng đầu tư phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.1. Đặc điểm và lợi thế của tỉnh Vĩnh Phúc trong đầu tư phát triển khu công nghiệp

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên của tỉnh Vĩnh Phúc

Tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập từ những năm 1950 trên cơ sở sáp nhập 2 tỉnh Vĩnh Yên và Phúc Yên. Đến năm 1968 sáp nhập thêm với tỉnh Phú Thọ để trở thành tỉnh Vĩnh Phúc. Trải qua nhiều giai đoạn tách, nhập, tỉnh Vĩnh Phúc chính thức được thành lập vào ngày 01 tháng 01 năm 1997.

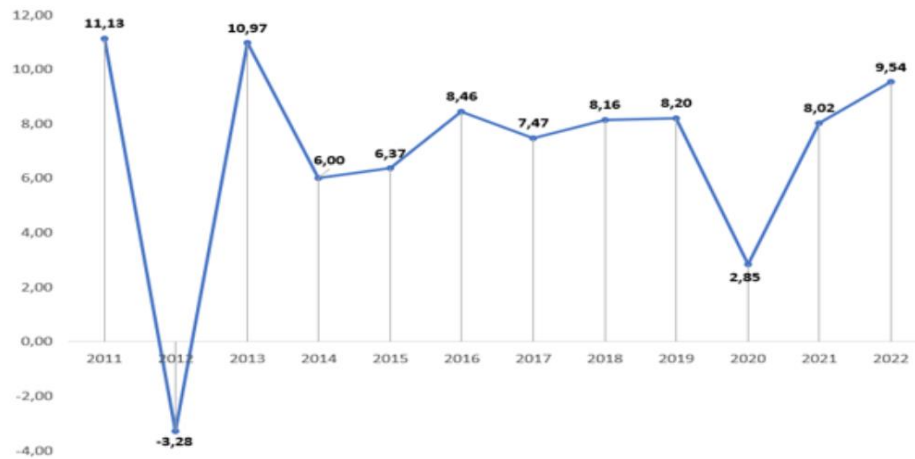
Về diện tích tự nhiên, đến hiện tại, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích đất tự nhiên là 1.235,87 km², phía Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên, phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ và phía Nam giáp thủ đô Hà Nội, phía Đông tiếp giáp với 2 huyện Sóc Sơn cũng như Đông Anh – thành phố Hà Nội.

Về dân số, theo số liệu kết quả điều tra dân số năm 2022, dân số của tỉnh Vĩnh Phúc rơi vào khoảng 1.197.617 người trong đó có các dân tộc chủ yếu là: Kinh, Sán Dìu, Nùng, Dao, Cao Lan, Mường.

Hiện nay tỉnh có 9 đơn vị hành chính trực thuộc bao gồm 2 thành phố là Vĩnh Yên và Phúc Yên và 7 huyện trực thuộc tỉnh bao gồm: Tam Dương, Tam Đảo, Yên Lạc, Vĩnh Tường, Lập Thạch, Sông Lô, Bình Xuyên. Tổng số xã, phường, thị trấn của tỉnh là 136.

2.1.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc

Tỉnh Vĩnh Phúc là tỉnh có xuất phát là tỉnh thuần, nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và nhà nước, đến thời điểm hiện tại Vĩnh Phúc đã có sự phát triển vượt bậc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ hướng nông nghiệp là chủ yếu sang hướng công nghiệp (công nghiệp - xây dựng: 61,59%, dịch vụ: 30,26%, nông lâm nghiệp thủy sản: 8,15%) với mức tăng trưởng bình quân đạt 7,1%/năm.

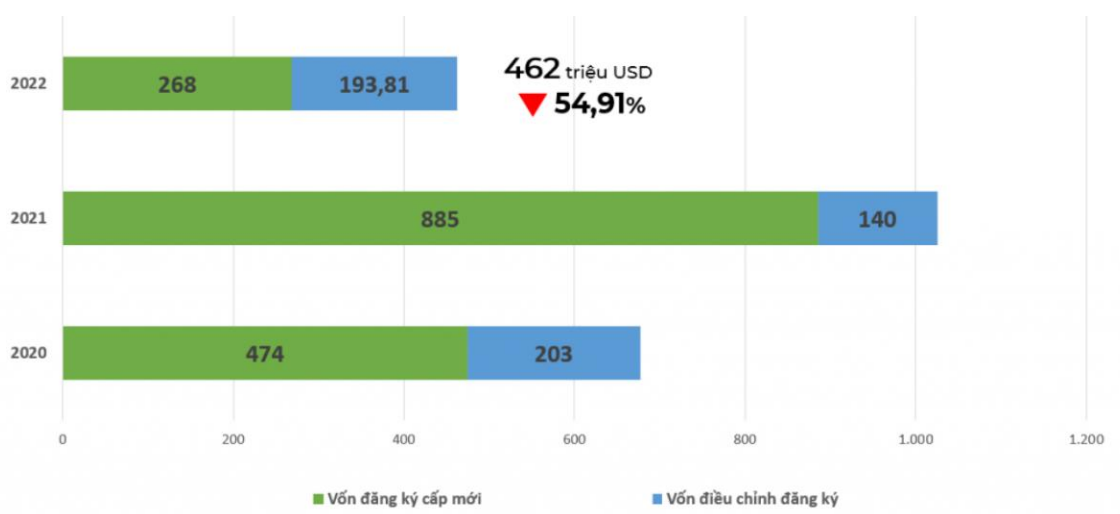


Hình 2.1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vĩnh Phúc giai đoạn 2011-2022

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc)

Thông qua hình 2.1 có thể dễ dàng thấy rằng trải qua hơn 10 năm, tình hình tăng trưởng của tỉnh Vĩnh Phúc có nhiều biến động, tuy nhiên đến giai đoạn năm 2021, 2022 đã có sự tăng trưởng trở lại.

Đối với phát triển công nghiệp, có nhiều giải pháp mang tính đột phá đã được lãnh đạo tỉnh triển khai và áp dụng. Theo đó quy mô diện tích đất dành cho phát triển đã đạt trên 8.000 ha với nhiều tập đoàn lớn đến đầu tư và xây dựng. Về lực lượng lao động, đây được coi là lợi thế lớn của tỉnh Vĩnh Phúc bởi lẽ Vĩnh phúc là địa phương có lực lượng lao động trẻ, dồi dào, chiếm đến 50% dân số hiện nay của Vĩnh Phúc, với gần 600 ngàn người.



Hình 2.2: Thu hút vốn FDI vào Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2022

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc)

Môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Vĩnh Phúc thường xuyên được cải thiện, điều đó được thể hiện thông qua chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Với chỉ số PCI luôn nằm trong top những tỉnh có thứ hạng cao, tỉnh Vĩnh Phúc đã thành công thu hút được hàng trăm dự án FDI với số vốn đăng ký đầu tư lên đến hàng nghìn tỷ đồng. Cụ thể trong giai đoạn 2015-2020, tỉnh Vĩnh Phúc đã thu hút được 2,86 tỷ USD vốn FDI và 56,27 nghìn tỷ đồng vốn DDI. Tính đến hết tháng 12/2023 tỉnh Vĩnh Phúc đã có tổng vốn đầu tư FDI là 6.353,62 triệu USD, tổng vốn đầu tư DDI là 32.730,47 tỷ đồng.

Theo báo cáo thống kê của Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, quý I năm 2023, tình hình kinh tế của Vĩnh Phúc gặp nhiều khó khăn do sự suy thoái của nền kinh tế toàn cầu đã dẫn đến việc suy giảm nhu cầu tiêu dùng cũng như làm tăng lên lượng hàng tồn kho dự trữ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Từ đó các ngành chủ lực của tỉnh như sản xuất ô tô chỉ đạt sản lượng bằng 61,5%, ngành sản xuất xe máy chỉ đạt 85,7%, ngành sản xuất kinh kiện điện tử lại có mức tăng thấp nhất kỷ lục trong nhiều năm gần đây.

Mặc dù tình hình kinh tế quý I gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên bước sang quý III của năm 2023, đã có nhiều tín hiệu khởi sắc hơn, tốc độ tăng GRDP của tỉnh dự kiến đạt mức tăng là 5,3% nhưng vẫn thấp hơn dự kiến, giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3,27%. Hoạt động thương mại, dịch vụ, vận tải tiếp tục có sự tăng trưởng ổn định. Ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô xe máy tăng 10,95%. Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 15,65%. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ tăng 32,2%. Nghệ thuật, vui chơi giải trí tăng 14,94%.

Đối với vấn đề thu chi ngân sách, cho đến hết tháng 9 năm 2023, kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 9 tháng đầu năm ước đạt 18,9 nghìn tỷ đồng, bằng 58,3% so với dự toán và bằng 73,1% so với cùng kỳ. Trong đó thu nội địa ước đạt 15,4 nghìn tỷ đồng bằng 56,2% so với dự toán và bằng 73,3% so với cùng kỳ; thu xuất nhập khẩu ước đạt 3.500 tỷ đồng bằng 70% dự toán và bằng 71,8% so với cùng kỳ. Quản lý chi ngân sách được tăng cường, kiểm soát chi chặt chẽ, quản lý chi theo dự toán, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ước tổng chi ngân sách địa phương 9

tháng đầu năm đạt 12,7 nghìn tỷ đồng, đạt 65,9% dự toán, bằng 131,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Chi đầu tư phát triển 5,86 nghìn tỷ đồng đạt 79,5% so với dự toán, đạt 135,4% so với cùng kỳ; Chi thường xuyên 6,8 nghìn tỷ đồng đạt 62,6% so với dự toán, đạt 114,6% so với cùng kỳ.

2.1.2. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp

Tỉnh Vĩnh Phúc luôn nỗ lực nâng cao chất lượng điều hành của chính quyền các cấp. Lãnh đạo tỉnh luôn cầu thị, đồng hành cùng các nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu đầu tư cũng như quá trình triển khai dự án, trong đó đặc biệt chú trọng công tác cải cách thủ tục hành chính.

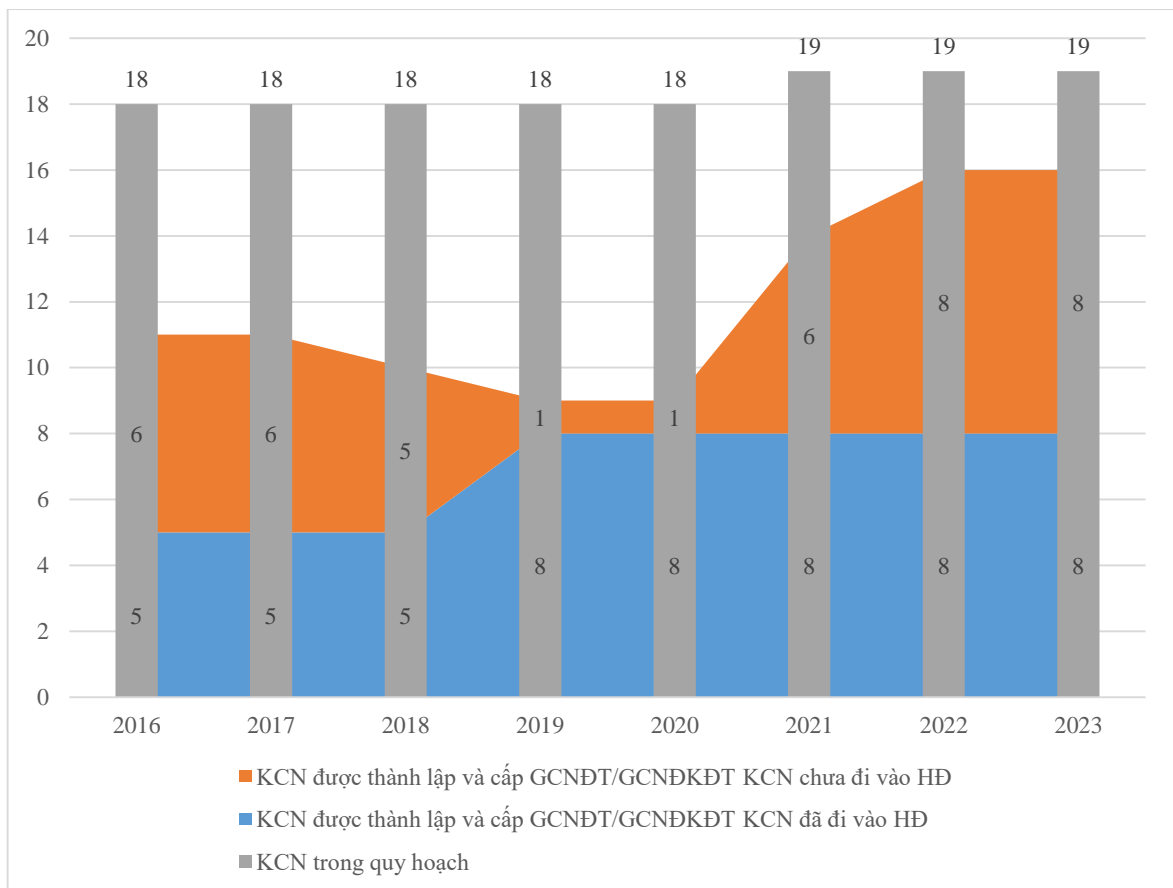
Thông điệp của tỉnh “Các nhà đầu tư đầu tư ở Vĩnh Phúc là công dân của Vĩnh Phúc, thành công của doanh nghiệp chính là thành công của tỉnh”; Vĩnh Phúc coi trọng lợi ích của doanh nghiệp, xác định doanh nghiệp là đối tác tin cậy lâu dài, là đối tượng phục vụ, vì vậy tỉnh luôn dành cho các nhà đầu tư tình cảm thân thiện và tạo điều kiện tốt nhất để các doanh nghiệp đến đầu tư và sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phát triển bền vững.

Tỉnh Vĩnh Phúc ưu tiên phát triển các tiện ích, hạ tầng dịch vụ tốt, chất lượng cao để phục vụ thu hút đầu tư; Hình thành, phát triển Hệ sinh thái phục vụ thu hút đầu tư; Tạo lợi thế so sánh trong thu hút đầu tư thông qua các kế hoạch, đề án, chương trình: Một là: Phát triển các Khu đô thị thông minh, hiện đại đáp ứng nhu cầu cuộc sống của các nhà đầu tư, đội ngũ quản lý cấp cao, chuyên gia trong nước và nước ngoài; Hai là: Phát triển đồng bộ các tiện ích, dịch vụ chất lượng cao đáp ứng các nhu cầu về y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao, mua sắm, du lịch,...); Ba là: Phát triển nhà ở xã hội, các tiện ích nhà mẫu giáo, trường học,... đáp ứng nhu cầu của người lao động; Những kế hoạch, chương trình, đề án phát triển nhằm phục vụ thu hút lực lượng lao động có trình độ sẵn sàng đáp ứng theo nhu cầu của Nhà đầu tư.

Vĩnh Phúc có hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, hiện đại (Luôn nằm trong top 10 tỉnh/thành phố có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt nhất Việt Nam). Mục tiêu là phục vụ tốt nhất, đáp ứng việc phát triển các KCN trong tương lai:

(1) Về địa điểm thực hiện dự án: Luôn có sẵn quỹ đất sẵn sàng giành cho các nhà đầu tư lựa chọn có thể triển khai ngay các dự án đầu tư tại các KCN. Quỹ đất đã có hạ tầng, sẵn sàng cho các nhà đầu tư thuê lại tại các KCN là 150 ha.

Hiện nay, tỉnh Vĩnh Phúc đã hoàn thành quy hoạch 19 KCN với tổng diện tích 5.487,31ha. Giai đoạn 2021-2030 phát triển thêm 04 KCN với tổng diện tích 1.022,38 ha, nâng tổng số KCN trên địa bàn tỉnh đến 2030 lên 23 KCN với tổng diện tích 6.509,69 ha. Sau năm 2030 sẽ phát triển thêm 04 KCN với tổng diện tích 663 ha, nâng tổng số các KCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2050 lên 27 KCN với tổng diện tích gần 7.172,69 ha.



Hình 2.3: Số lượng các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 -2023

(Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

(2) Các KCN được quy hoạch, xây dựng dọc theo các tuyến đường giao thông (đường cao tốc, đường quốc lộ) trọng điểm của Việt Nam; Kết nối thuận lợi, nhanh chóng đến các đầu mối vận chuyển hàng hóa quốc tế: Trung tâm của tỉnh cách Cảng

hàng không Nội Bài (25 km); Cảng Hải Phòng (150km); Cảng nước sâu Cái Lân (165km); vận chuyển hàng hóa nhanh chóng đến các địa phương, tỉnh khác trong vùng, trong toàn lãnh thổ Việt Nam.

(3) Dịch vụ vận tải Logistics: Trung tâm Logistics ICD Vĩnh Phúc là dự án siêu cảng đầu tiên của Mạng lưới logistics thông minh ASEAN, là một trong những Trung tâm Logistics lớn nhất ở miền Bắc Việt Nam, công suất thiết kế 530.000 TEU/năm, diện tích hơn 83ha, phạm vi hoạt động kết nối các khu công nghiệp, liên kết với thủ đô Hà Nội, sân bay quốc tế Nội Bài, cảng biển Hải Phòng và cửa khẩu của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

(4) Hệ thống cung cấp năng lượng (Điện), viễn thông, nước đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Tỉnh Vĩnh Phúc nằm trong vùng có khí hậu ổn định, ít chịu ảnh hưởng của thiên tai (bão, lụt); địa chất tốt, nền đất cứng, tiết kiệm chi phí cho nhà đầu tư khi thi công xây dựng nhà xưởng; An ninh tốt; Dân trí cao; Môi trường xanh, sạch, tỉ lệ ô nhiễm thấp; Lực lượng lao động trẻ, dồi dào (chiếm trên 50% tổng dân số của tỉnh, với gần 600 ngàn người), có trình độ, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh không ngừng được nâng lên, trải qua quá trình sàng lọc, liên tục được đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Lợi thế gần Hà Nội, nơi tập trung đông đảo lực lượng lao động chất lượng cao, nên việc thu hút nhân lực chất lượng cao rất thuận lợi.

Bảng 2.1: Thông tin chung về các khu công nghiệp tập trung

ĐVT: ha

TT	Tên KCN	Vị trí	Tổng diện tích
1	KCN Khai Quang	Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	221,46
2	KCN Bình Xuyên	Thị trấn Hương Canh và Xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	286,98
3	KCN Kim Hoa	Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc	50

TT	Tên KCN	Vị trí	Tổng diện tích
4	KCN Bá Thiện	Xã Thiện Kế và thị trấn Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	325,75
5	KCN Bình Xuyên II - giai đoạn 1	Thị trấn Bá Hiến và Xã Tam Hợp, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	42,21
6	KCN Bá Thiện II	Xã Bá Hiến, Xã Thiện Kế và Xã Trung Mỹ, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	308,83
7	KCN Tam Dương II- khu A	Xã Kim Long huyện Tam Dương; xã Hồ Sơn, xã Hợp Châu và xã Tam Quan, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	135,17
8	KCN Sơn Lôi	Xã Sơn Lôi, Tam Hợp và thị trấn Bá Hiến, thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	257,35
9	KCN Thăng Long Vĩnh Phúc	Xã Thiện Kế và xã Tam Hợp huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	213

(Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Nền tảng, thế mạnh là phát triển công nghiệp (Công nghiệp cơ khí chế tạo; Công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy; Công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực ô tô, xe máy; Công nghiệp điện, điện tử,...). Vĩnh Phúc thuộc vành đai phát triển công nghiệp phía Bắc của Việt Nam. Đã từng bước hình thành, phát triển cụm ngành công nghiệp (Công nghiệp ô tô, xe máy; Công nghiệp điện, điện tử). Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư khi đến đầu tư tại Vĩnh Phúc tìm kiếm các nhà cung cấp tại địa phương; thuận lợi trong việc tìm kiếm sự liên kết, hợp tác hình thành các chuỗi cung ứng. Tỉnh Vĩnh Phúc đã tạo được niềm tin cho các Nhà đầu tư khi quyết định đầu tư tại Vĩnh Phúc; Nhiều tập đoàn, nhà sản xuất đa quốc gia đã đầu tư tại Vĩnh Phúc như: Toyota, Honda, Sumitomo, ToTo, Sojitz (Nhật Bản); Piaggio (Italia); Patron, Heasung, Interflex, BH Flex, Camsys, Tập đoàn YSL ... (Hàn Quốc); Tập đoàn YCH, Công ty TAL, Công ty CPK (Singapore); De Heus (Hà Lan); Compal, VPIC I (Đài Loan), Prime Group (Thái Lan), Polaris (Hoa Kỳ), ...

2.1.3. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp

2.1.3.1. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp theo quy mô dự án

Trải qua 25 năm qua, Ban Quản lý các khu công nghiệp đã thực hiện tốt vai trò tham mưu quy hoạch, xây dựng, phát triển các khu công nghiệp, góp phần quan trọng hình thành nên hệ thống đồng bộ các khu công nghiệp.

Bảng 2.2: Thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp theo số lượng dự án đầu tư

Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số dự án (dự án)	199	233	288	353	378	416	447	473
FDI (dự án)	159	189	235	292	312	335	350	362
Quy mô vốn (triệu USD)	2.536,42	2.816,56	3.129,56	4.068,99	4.464,19	5.140,95	5.812,90	6.372,13
DDI (dự án)	40	44	53	61	66	81	97	111
Quy mô vốn (tỷ đồng)	14.509,98	13.810,94	15.337,14	14.562,49	13.785,11	22.024,28	26.707,90	32.973,14

(Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Trong giai đoạn 2016 đến 2023, số lượng và quy mô vốn đăng ký của các dự án trong KCN thuộc tỉnh Vĩnh Phúc có xu hướng tăng và giữ ở mức tăng trưởng ổn định. Cụ thể năm 2021 tổng số dự án còn hiệu lực tại tỉnh là 416 dự án trong đó có 335 dự án FDI và 81 dự án DDI với số vốn đăng ký lần lượt là 5.140,95 triệu USD và 22.024,28 tỷ đồng. Đến năm 2022, theo đà phát triển của năm 2021, mặc dù gặp phải bối cảnh đại dịch Covid hoành hành, tuy nhiên nhờ sự chỉ đạo quan tâm sát sao của UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũng như các bộ ban ngành liên quan, đặc biệt có sự quan tâm của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc mà tỉnh Vĩnh Phúc vẫn đạt được những thành tựu đáng chú ý. Theo đó đến năm 2022, lũy kế số dự án còn hiệu lực tại tỉnh nhà đạt 447 dự án, tăng 31 dự án so với năm 2021, trong đó số dự án FDI tăng 15 dự án và dự án DDI tăng 16 dự án. Về quy mô vốn, năm 2022 ghi nhận số vốn đăng ký cho dự án FDI tăng 671,95 triệu USD và số vốn đăng ký cho dự án DDI tăng 4683,62 tỷ đồng. Cuối năm 2023 số lượng dự án lũy kế còn hiệu lực của tỉnh cũng đạt 473 dự án, tăng 5,82% so với năm 2022.

Cùng với đó số dự án FDI cũng tăng 3,43% với số vốn tăng trưởng là 9,62%. Các dự án DDI cũng có xu hướng tăng với tổng quy mô vốn tăng 23,46% tương đương với số dự án tăng là 14,43%.

Bảng 2.3: Kết quả thu hút vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc
Quy đổi: 1 USD = 22.730 VNĐ (tính theo tỉ giá năm 2016)

ĐVT: Tỷ đồng, %

Năm		2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Vốn nước ngoài	Vốn đăng ký	54.024	63.578	85.603	89.819	98.802	118.160	127.296	146.300
	Vốn thực hiện	20.124	22.329	36.946	39.871	47.632	61.585	57.194	69.522
	Tỷ lệ giải ngân	37,25	35,12	43,16	44,39	48,21	52,12	44,93	47,52
Vốn trong nước	Vốn đăng ký	7.289	150	136	6.648	5.870	8.714	11.160	12.659
	Vốn thực hiện	3.211	67	56	2.560	2.232	3.600	4.177	5018
	Tỷ lệ giải ngân	44,06	44,84	41,15	38,51	38,03	41,31	37,43	39,64

(Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Trong giai đoạn năm 2021 - 2023, kết quả thu hút vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc có những tín hiệu đáng mừng, theo đó năm 2016, số vốn đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nước ngoài trong KCN đăng ký là 54.024 tỷ đồng thì đến năm 2023 số vốn này được nâng lên ở mức 157.300 tỷ đồng. Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước, kết quả thu hút vốn đầu tư sản xuất ghi nhận tăng nhanh từ 7.289 tỷ đồng năm 2016 lên đến 12.659 tỷ đồng năm 2023. Đây được cho là tín hiệu đáng mừng cho hoạt động thu hút vốn đầu tư sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc, đồng thời khẳng định Đảng ủy và Chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc đặc biệt là Sơ Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cũng như Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc đã cố gắng nỗ lực hết sức để thúc đẩy sự phát triển của các KCN trong thời gian vừa qua.

2.1.3.2. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp theo lĩnh vực

Tính đến hết năm 2023, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cho thấy lợi thế về thu hút và phát triển các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực công

nghiệp, đây được cho là lĩnh vực có lợi thế lớn đối với tỉnh Vĩnh Phúc so với các địa phương khác trên cả nước, việc thu hút và đầu tư phát triển các dự án liên quan đến lĩnh vực công nghiệp là hết sức phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh. Thực tế cho thấy KCN Khai Quang và KCN Bình Xuyên và KCN Khai Quang là những KCN đang dẫn đầu về tốc độ thu hút và phát triển các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp của tỉnh nhà.

Bảng 2.4: Thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp theo lĩnh vực đầu tư

Năm	Lĩnh vực đầu tư					
	Xây dựng KD HTKT		Công nghiệp		Thương mại, dịch vụ	
	Triệu USD	Tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng	Triệu USD	Tỷ đồng
2016	155,46	9.688,29	2.314,92	9.668,00	53,56	2.554,72
2017	78,55	10.252,85	2.502,60	9.467,84	55,19	3.074,32
2018	290,54	10.673,11	3.134,45	10.116,90	223,93	2.822,00
2019	137,29	11.217,32	3.920,63	9.886,46	70,68	3.366,21
2020	408,87	9.724,78	4.587,41	7.616,54	342,26	1.873,67
2021	779,65	14.159,13	5.446,34	9.489,77	616,32	923,10
2022	775,61	15.475,70	6.114,41	11.015,30	612,21	0
2023	867,93	17.088,68	6.765,80	14.278,32	704,60	0

(Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Theo như bảng 2.4 cho thấy năm 2016 số vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài cho lĩnh vực công nghiệp tại các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc là 2.314,92 triệu USD thì đến năm 2023 số vốn này là 6.765,80; còn với nhà đầu tư trong nước cũng có sự tăng trưởng nhanh chóng từ 9.668,00 tỷ đồng lên 14.278,32 tỷ đồng. Tuy nhiên bên cạnh sự tích cực trong vấn đề triển khai thu hút lĩnh vực công nghiệp thì lĩnh vực xây dựng KD HTKT và lĩnh vực thương mại dịch vụ lại không có sự tăng trưởng đột biến ấy khi trong giai đoạn 2018 - 2020 có sự chững lại, không biến động cả về vốn đầu tư trong nước lẫn vốn đầu tư nước ngoài. Qua đây có thể hiểu về cơ cấu vốn đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo lĩnh vực đầu tư là không đồng đều, có sự thiên lệch về lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh.

2.1.3.3. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp theo hình thức đầu tư

Vốn đầu tư là yếu tố không thể thiếu để hình thành và phát triển KCN đặc biệt tại các khu vực có tốc độ phát triển KCN ngày càng nhanh như Vĩnh Phúc hiện nay. Nguồn vốn đầu tư tại đây được huy động từ hai nguồn chính là nguồn vốn trong nước và nguồn vốn nước ngoài. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.5: Cơ cấu nguồn vốn đầu tư phát triển các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2023

Quy đổi: 1 USD = 22.730 VNĐ (tính theo tỉ giá năm 2016)

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	Tổng VĐT	Nguồn Vốn ĐT trong nước		Nguồn Vốn ĐT nước ngoài
		Nguồn vốn ngân sách nhà nước	Nguồn vốn tư nhân	
2016	79.280	3.266	18.645	57.368
2017	82.719	3.623	19.172	59.924
2018	106.552	4.824	18.788	82.940
2019	118.313	4.542	19.928	93.843
2020	140.560	4.781	14.434	121.344
2021	180.098	7.798	16.774	155.526
2022	197.017	6.403	20.088	170.526
2023	220.897	8.615	22.752	189.530

(Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên báo cáo của ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Qua bảng 2.5 có thể thấy môi trường đầu tư của Vĩnh Phúc ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư đến hoạt động và kinh doanh tại đây. Theo đó nguồn vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng nhanh từ 72,36% năm 2016 lên đến 85,8% tức là tương đương với 57.368 tỷ đồng lên 189.530 tỷ đồng. Con số khá ấn tượng mà tỉnh Vĩnh Phúc đã thu hút được trong những năm qua. Để có được con số như thế này, tỉnh Vĩnh Phúc đã chứng minh được rằng môi trường đầu tư tại tỉnh Vĩnh Phúc ngày càng hấp

dẫn các nhà đầu tư ngoại hơn, môi trường đầu tư tại Vĩnh Phúc ngày càng được cải thiện thông qua cơ chế đầu quản lý đầu tư thông thoáng, áp dụng cơ chế một cửa, cơ sở hạ tầng có được sự đánh giá cao, tốt từ chính những đối tác đầu tư. Trải qua giai đoạn 8 năm tìm hiểu đến nay, Vĩnh Phúc vẫn là một điểm đến đáng tin cậy đối với nhà đầu tư nước ngoài cũng như nhà đầu tư trong nước, chính vì vậy nguồn vốn đầu tư của tỉnh Vĩnh Phúc luôn đem lại nguồn lực lớn trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư phát triển các KCN của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Việt Nam.

Bảng 2.6: Tỷ trọng nguồn vốn đầu tư phát triển các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 - 2023

DVT: %

Năm	Tổng VĐT	Nguồn Vốn ĐT trong nước		Nguồn Vốn ĐT nước ngoài
		Nguồn vốn Ngân sách	Nguồn vốn tư nhân	
2016	100	4,12	23,52	72,36
2017	100	4,38	23,18	72,44
2018	100	4,53	17,63	77,84
2019	100	3,84	16,84	79,32
2020	100	3,40	10,27	86,33
2021	100	4,33	9,31	86,36
2022	100	3,25	10,20	86,55
2023	100	3,90	10,30	85,80

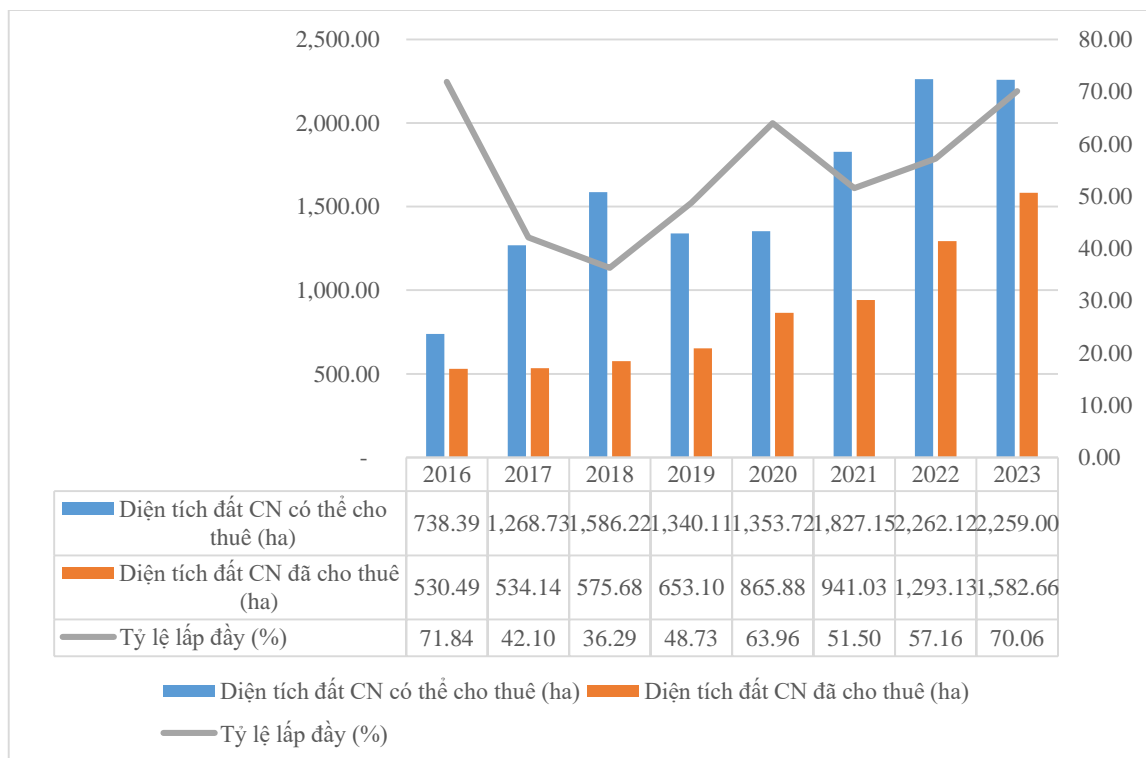
(Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên báo cáo của ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Các KCN trong tỉnh thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư đến từ gần 18 quốc gia, vùng lãnh thổ. Trong đó, chủ yếu là các nhà đầu tư đến từ các quốc gia như: Hàn Quốc; Đài Loan; Nhật Bản; Singapore; Thái Lan; Trung Quốc; Ý... và một số nước phát triển như: Samoa; Hà Lan; Pháp; Ấn Độ; Cộng hòa Seychelles; Indonesia; Hoa Kỳ; Thụy Điển; Tây Ban Nha; British Virgin Islands và Belize. Dẫn đầu về vốn đầu tư vào các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc là các nhà đầu tư: Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản với khối lượng vốn đầu tư chiếm khoảng trên 50% tổng vốn đầu tư nước ngoài vào các KCN vào tỉnh.

Tóm lại đến hết năm 2023 nguồn vốn đầu tư nước ngoài vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư phát triển các KCN tại Vĩnh Phúc, tuy quy mô phát triển của nguồn vốn trong nước có tăng nhưng tỷ trọng không đáng kể so với nguồn vốn nước ngoài. Điều này chứng tỏ hoạt động đầu tư phát triển KCN tại Vĩnh Phúc vẫn có sự phụ thuộc tương đối nhiều vào vốn đầu tư nước ngoài.

2.1.3.4. Kết quả đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp

Cuối năm 2023, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển 19 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch là 5.487,31ha. Trong đó có 16 khu công nghiệp được thành lập với tổng diện tích đất theo quy hoạch được duyệt là 3.168,02 ha và có 3 khu công nghiệp đang triển khai thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư. Tính đến thời điểm hiện tại, tỉnh Vĩnh Phúc có 8 khu công nghiệp đi vào hoạt động gồm: Kim Hoa, Khai Quang, Bình Xuyên, Bá Thiện, Bình Xuyên II (giai đoạn 1), Bá Thiện II, Tam Dương II - khu A, Thăng Long Vĩnh Phúc. Cơ bản các khu công nghiệp được lấp đầy bởi các dự án đầu tư thứ cấp.



Hình 2.4: Tỷ lệ lấp đầy các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2023

(Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 cho biết. Hạ tầng các khu công nghiệp tại tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục được quan tâm đầu tư, trong đó KCN Bình Xuyên II- Giai đoạn 2 đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đầu tư với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 810 tỷ đồng (tương đương 34,29 triệu USD); báo cáo Tỉnh ủy quy hoạch KCN Tam Dương I - Khu vực 3 phát triển thành KCN công nghệ cao của tỉnh; nghiên cứu bổ sung Đề án điều chỉnh vị trí quy hoạch phát triển KCN Lập Thạch I và Lập Thạch II; điều chỉnh cục bộ QHCTXD tỷ lệ 1/500 đối với các KCN: Nam Bình Xuyên, Sơn Lôi và tỉ lệ 1/2000 KCN Thăng Long Vĩnh Phúc (lần 4); đơn đốc các đơn vị hạ tầng cam kết việc triển khai, thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các KCN: Sông Lô I; Sông Lô II; Đồng Sóc; khởi công Dự án đầu tư hạ tầng KCN Tam Dương I - Khu vực 2; khởi công Dự án đầu tư hạ tầng KCN Sông Lô II...

Bảng 2.7: Diện tích đất tự nhiên các KCN tại tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2023

Dưới 100 ha		Từ 100 đến 200 ha		Trên 200 đến 300 ha		Trên 300 ha		Tổng số	
Số lượng (KCN)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (KCN)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (KCN)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (KCN)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (KCN)	Tỷ lệ (%)
2	12,5	4	25	6	37,5	4	25	16	100

(Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Trong giai đoạn 2016 đến năm 2023, số lượng và quy mô vốn đăng kí của các dự án trong KCN thuộc tỉnh Vĩnh Phúc có xu hướng tăng và giữ ở mức tăng trưởng ổn định. Cụ thể năm 2021 tổng số dự án còn hiệu lực tại tỉnh là 416 dự án trong đó có 335 dự án FDI và 81 dự án DDI với số vốn đăng kí lần lượt là 5.140,95 triệu USD và 22.024,28 tỷ đồng. Đến năm 2022, theo đà phát triển của năm 2021, mặc dù gặp phải bối cảnh đại dịch Covid hoành hành, tuy nhiên nhờ sự chỉ đạo quan tâm sát sao của UBND tỉnh Vĩnh Phúc cũng như các bộ ban ngành liên quan, đặc biệt có sự quan tâm của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc mà tỉnh Vĩnh Phúc vẫn đạt được những thành tựu đáng chú ý. Theo đó đến năm 2022, lũy kế số dự án còn hiệu lực tại tỉnh nhà đạt 447 dự án, tăng 31 dự án so với năm 2021, trong đó số dự án FDI tăng 15 dự án và dự án DDI tăng 16 dự án. Về quy mô vốn, năm 2022 ghi nhận số vốn đăng kí

cho dự án FDI tăng 671,95 triệu USD và số vốn đăng kí cho dự án DDI tăng 4683,62 tỷ đồng. Cuối năm 2023, số lượng dự án lũy kế còn hiệu lực của tỉnh cũng đạt 470 dự án, tăng 5,15% so với năm 2022. Cùng với đó số dự án FDI cũng tăng 3,14% với số vốn tăng trưởng là 8,99%. Các dự án DDI cũng có xu hướng tăng với tổng quy mô vốn tăng 22,55% tương đương với số dự án tăng là 12,37%.

2.2. Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân tại tỉnh Vĩnh Phúc

2.2.1. Đối với việc làm của người dân

2.2.1.1. Tác động tích cực

Đầu tư phát triển khu công nghiệp không những chỉ bao gồm việc đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế, hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội mà hoạt động đầu tư phát triển các khu công nghiệp còn nhằm mục đích nâng cao chất lượng cuộc sống người dân thông qua việc tạo ra một lượng lớn công ăn việc làm, góp phần cải thiện thu nhập của người lao động làm việc tại các KCN cũng như người dân sống xung quanh khu công nghiệp.

Bảng 2.8: Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến việc làm của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2023

DVT: Người

Năm	Số lượng lao động làm việc trong các khu công nghiệp
2016	58.690
2017	80.000
2018	86.300
2019	88.754
2020	92.887
2021	111.451
2022	128.648
2023	146.811

(Nguồn: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc)

Từ bảng số liệu trên cho thấy, khi số lượng các doanh nghiệp trong các KCN cũng như các KCN ngày càng nhiều thì số lượng việc làm được tạo ra ngày càng lớn, cụ thể, năm 2016 tổng 199 dự án bao gồm 159 dự án FDI và 40 dự án DDI thì số lượng việc làm được tạo ra tại đây là 58.690 việc làm, sang đến năm 2017, số dự án đầu tư vào các KCN trên tỉnh Vĩnh Phúc tăng 34 dự án đồng nghĩa với số lượng việc làm cũng tăng 21.310 việc làm, tức là đạt 80.000 việc làm được tạo ra năm 2017. Đến cuối năm 2022, theo báo cáo của Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh ghi nhận 128.648 việc làm được tạo ra với số lượng dự án lũy kế còn hiệu lực tại tỉnh là 447 dự án. Đến tháng 12 năm 2023, cũng theo báo cáo của Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc, mặc dù nền kinh tế cả nước nói chung và của tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN vẫn còn nhiều trở ngại do bối cảnh đại dịch Covid-19 trước kia, tuy nhiên nhờ sự hỗ trợ và đồng hành của chính quyền UBND tỉnh Vĩnh Phúc, đến cuối năm 2023, toàn tỉnh thu hút được 473 dự án đầu tư trong KCN trong đó có 362 dự án FDI và 111 dự án DDI. Về số lượng việc làm được tạo ra, theo như tỉnh Vĩnh Phúc, các KCN trong tỉnh đã tạo ra 146.811 việc làm, tăng 88.121 việc làm, tương đương với 150,15% so với cùng kỳ năm 2016.

Kết quả khảo sát của học viên đối với người dân sống xung quanh các khu công nghiệp cũng cho thấy những tác động tích cực mà đầu tư phát triển khu công nghiệp mang lại.

Bảng 2.9: Kết quả thống kê mô tả dữ liệu khảo sát về tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến việc làm của người dân

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Employ	120	,0	3,0	1,308	1,05

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của học viên)

Kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số 120 người dân được lựa chọn khảo sát đã cho thấy rằng, số lượng việc làm tạo ra thêm khi khu công nghiệp được đầu tư xây dựng đối với mỗi hộ dân được khảo sát, số lượng việc làm được tạo ra thêm trung bình là khoảng 1,308 việc làm. Trong đó, số lượng việc làm lớn nhất được tạo ra thêm trong dữ liệu khảo sát đó là 3 việc làm và số lượng nhỏ nhất là 0 có việc làm được

tạo ra thêm. Điều đó có thể thấy rằng, các khu công nghiệp được đầu tư xây dựng và phát triển đã tạo ra những biến đổi tích cực về việc làm cho người dân sống xung quanh các khu công nghiệp.

2.2.1.2. Tác động tiêu cực

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được đó, việc đầu tư phát triển các khu công nghiệp cũng gây ra những tác động tiêu cực, đặc biệt với những lao động không thích ứng được những biến đổi do môi trường sống thay đổi, khu công nghiệp được xây dựng, một bộ phận hộ gia đình và lao động bị thu hồi tư liệu sản xuất, không thích ứng được đã dẫn đến việc thất nghiệp, thu nhập vì thế cũng sẽ giảm. Kết quả khảo sát đối với 120 người dân sống xung quanh các khu công nghiệp cho thấy rằng, có những tác động tiêu cực về thất nghiệp do đầu tư phát triển khu công nghiệp gây ra cho người dân sống xung quanh khu công nghiệp.

Bảng 2.10: Tác động tiêu cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến việc làm của người dân

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Unemploy	120	,0	3,0	,742	,9658

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của học viên)

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy, số lượng lao động thất nghiệp lớn nhất bình quân của hộ gia đình là 3 lao động và số lượng lao động thất nghiệp nhỏ nhất là 0 lao động đối với dữ liệu khảo sát từ 120 người dân sống xung quanh khu công nghiệp. Số lượng lao động thất nghiệp trung bình khảo sát là 0,742 lao động.

Kết quả phân tích dữ liệu nhận thấy rằng, hoạt động đầu tư phát triển KCN đã góp một phần không nhỏ trong việc gia tăng số lượng việc làm trong các KCN, theo đó số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong các KCN càng nhiều, vốn đầu tư vào các KCN càng lớn thì số việc làm được tạo ra càng tăng, giúp cải thiện thu nhập cho người dân. Có việc làm chính là điều kiện tiên quyết để người dân có cuộc sống cải thiện, là chìa khóa tạo ra tác động tích cực đến thu nhập của người dân.

Bảng 2.11: Mối tương quan giữa số lượng lao động của hộ với thu nhập của người dân

		Y	Labor
Y	Pearson Correlation	1	,232*
	Sig. (2-tailed)		,011
	N	120	120
Labor	Pearson Correlation	,232*	1
	Sig. (2-tailed)	,011	
	N	120	120

*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

(Nguồn: kết quả xử lý từ số liệu điều tra)

Để đánh giá mối quan hệ giữa số lượng người lao động và thu nhập của người dân, tác giả tiến hành đánh giá mối quan hệ tương quan giữa hai biến này, theo đó kết quả bảng 2.11 đã thể hiện mối quan hệ giữa số lượng người lao động và thu nhập của người dân là mối quan hệ tương quan dương khi hệ số Pearson = 0,232 tức là khi số lượng người lao động tăng thì thu nhập của người lao động cũng tăng lên.

2.2.2. Đối với thu nhập của người dân

2.2.2.1. Tác động tích cực

Đầu tư phát triển khu công nghiệp có tác động tích cực cũng như tiêu cực nhất định đối với việc làm của người dân sống xung quanh các khu công nghiệp, vì vậy nó cũng có những ảnh hưởng đến thu nhập của người dân. Theo kết quả thống kê của Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, mức thu nhập bình quân/tháng của người dân tại một số địa phương có khu công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

Bảng 2.12: Thu nhập bình quân đầu người của một số địa phương của tỉnh Vĩnh Phúc

DVT: Nghìn đồng/tháng

Năm	2020	2021	2022
Tỉnh Vĩnh Phúc	4.290	4.511	5.194
Thị xã Phúc Yên	4.802	4.757	5.505
Huyện Bình Xuyên	4.746,7	4.677,9	5.293,9
Huyện Lập Thạch	4.146,4	4.210,1	4.779,5

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc

Kết quả khảo sát mức sống bình quân của Tỉnh Vĩnh Phúc cho thấy rằng, mức thu nhập bình quân đầu người/ tháng của người dân tại các huyện có khu công nghiệp đầu tư phát triển của tỉnh Vĩnh Phúc dường như đang cao hơn mức thu nhập bình quân đầu người/tháng chung của tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể như sau:

Theo kết quả thống kê của Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, thu nhập bình quân đầu người trên tháng chung của tỉnh Vĩnh Phúc có xu hướng tăng, giai đoạn 2020-2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 bùng phát đã làm cho thu nhập bình quân đầu người mỗi tháng có xu hướng giảm so với giai đoạn trước đó, năm 2020 thu nhập bình quân đầu người của người dân tại tỉnh khoảng 4290 nghìn đồng/tháng, con số này đã tăng lên mạnh và đạt con số khoảng 5194 nghìn đồng/tháng vào năm 2022.

Đối với các huyện có nhiều khu công nghiệp tập trung, thu nhập bình quân của người dân tại đây dường như có xu hướng cao hơn so với các địa phương không có khu công nghiệp nhiều và cao hơn mức bình quân chung của tỉnh. Tại Thị xã Phúc Yên, thu nhập bình quân của người dân tại đây khoảng 4802 nghìn đồng/tháng cao hơn khoảng 512 nghìn đồng/tháng so với mức thu nhập trung bình của tỉnh Vĩnh Phúc. Thu nhập của người dân tại thị xã cũng tăng trong giai đoạn 2020-2022 khi năm 2022 thu nhập bình quân của người dân tại đây khoảng 5505 nghìn đồng/tháng (Cao hơn khoảng 311 nghìn đồng/tháng so với thu nhập trung bình của tỉnh Vĩnh Phúc).

Thu nhập bình quân đầu người/tháng của huyện Lập Thạch có thấp hơn so với mức trung bình của tỉnh và so với huyện Bình Xuyên và thị xã Phúc Yên. Thu nhập bình quân đầu người trên tháng của huyện Lập Thạch năm 2020 khoảng 4146,4 nghìn đồng/tháng thì cũng có xu hướng tăng lên khoảng 4779,5 nghìn đồng/tháng năm 2022 (mức thu nhập này thấp hơn khoảng 414,5 nghìn đồng/tháng so với mức trung bình của tỉnh Vĩnh Phúc).

Sử dụng dữ liệu được thu thập từ khảo sát người dân sống xung quanh các khu công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc nhằm lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến thu nhập của người dân tại đây. Kế thừa các nghiên cứu trước liên quan đến tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân, tác giả sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất (OLS) để kiểm tra lần lượt các yếu tố có

ảnh hưởng đến thu nhập của người dân xung quanh khu công nghiệp. Mô hình nghiên cứu có dạng như sau:

$$Y_i = a + b_1 (Acr) + b_2 (Employ) + b_3 (Unemploy) + b_4 (VTDD) + U_i$$

Kết quả khảo sát đối với 120 hộ dân sống xung quanh các khu công nghiệp, kết quả phân tích thống kê mô tả các biến số như sau:

Kết quả sau khi điều tra cho thấy, thu nhập trung bình của 120 hộ gia đình tham gia khảo sát là 139,72 triệu đồng/năm, trong khi cũng theo kết quả điều tra khảo sát, hộ gia đình có thu nhập thấp nhất là 0,5 triệu đồng/năm và hộ gia đình có thu nhập cao nhất trong năm là 600 triệu đồng/năm. Diện tích đất thu hồi do xây dựng khu công nghiệp rơi vào khoảng 778,417 m². Đối với biến số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp nhận được giá trị trung bình là 1,308 người lao động cho biết là cứ một khu công nghiệp được xây dựng thêm thì có 1,308 lao động có thêm việc làm. Ngược lại với biến số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng Khu công nghiệp lại nhận được giá trị trung bình là 0,742 tức là cứ một KCN mới được tạo ra thì lại khiến cho 0,742 lao động bị thất nghiệp.

Bảng 2.13: Kết quả thống kê mô tả các biến

Descriptive Statistics

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Y	120	,5	600	139,72	107,81
Acr	120	,0	3500,0	778,417	1167,00
Employ	120	,0	3,0	1,308	1,05
Unemploy	120	,0	3,0	,742	,9658
Valid N (listwise)	120				

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của học viên)

Xét đối với từng biến cụ thể, có thể:

Diện tích đất thu hồi do xây dựng khu công nghiệp (Acr). Theo kết quả khảo sát cũng như phân tích ở trên, diện tích đất thu hồi do xây dựng khu công nghiệp trung bình của 120 hộ dân được khảo sát là 778,417 m² trong đó hộ dân bị thu hồi ít nhất là 0m² và hộ dân bị thu hồi nhiều đất nhất là 3500m².

Xét về biến số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp, giá trị trung bình của biến này là 1,308, giá trị thấp nhất nhận được là 0 và giá trị cao nhất nhận được là 3. Với những con số này có thể thấy rằng khi KCN được xây dựng lên thì có thể tạo ra nhiều nhất 3 lao động mới tham gia vào làm việc tại các KCN. Điều này cũng góp phần làm gia tăng mạnh mẽ thu nhập của người dân do có thêm việc làm.

Học viên thực hiện lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến thu nhập của các hộ dân sống xung quanh các khu công nghiệp để từ đó đánh giá được mức độ ảnh hưởng của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu thực hiện kiểm định mức độ phù hợp của mô hình hồi quy, kết quả kiểm định như sau:

Bảng 2.14a: Kết quả kiểm định mức độ phù hợp của mô hình hồi quy

Model Summary

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	,863 ^a	,746	,737	55,314338440694

a. Predictors: (Constant), VTDD, Employ, Unemploy, Acr

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của học viên)

Hệ số R square = 0,746 cho biết các biến độc lập trong mô hình giải thích được khoảng 74,6% biến phụ thuộc.

Kết quả kiểm định cũng cho thấy mô hình mà tác giả lựa chọn là tương đối tốt khi không có khuyết tật về tự tương quan trong mô hình, các biến độc lập giải thích được trên 74,6% biến phụ thuộc (R square thể hiện $\geq 0,7$).

Bảng 2.14b: Kết quả phân tích phương sai

ANOVA^a

Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Regression	1031319,985	4	257829,996	84,267	,000 ^b
Residual	351862,744	115	3059,676		
1 Total	1383182,729	119			

a. Dependent Variable: Y

b. Predictors: (Constant), VTDD, Employ, Unemploy, Acr

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của học viên)

Với kết quả của bảng 2.14b cho thấy

Hệ số Sig = 0,000, kiểm định F = 84,267, như vậy mô hình nghiên cứu là phù hợp.

Từ số liệu thu thập qua quá trình phỏng vấn 120 hộ gia đình tại tỉnh Vĩnh Phúc, kết hợp với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.0. Tác giả sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất nhằm đánh giá tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.

Kết quả lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố như sau:

Bảng 2.15: Các hệ số hồi quy
Coefficients^a

Model	Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
	B	Std. Error	Beta		
(Constant)	62,828	12,373		5,078	,000
1 Acr	,042	,005	,451	8,073	,000
Employ	34,840	5,845	,342	5,961	,000
Unemploy	-24,149	6,137	-,216	-3,935	,000
VTDD	34,752	10,407	,162	3,339	,001

a. Dependent Variable: Y

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của học viên)

Kết quả lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố cho thấy, tất cả các biến trong nghiên cứu đều có ý nghĩa thống kê với mức độ sai số là 0,05, đối với các nhân tố có tác động tích cực đến thu nhập của người dân là:

+ Diện tích đất thu hồi do xây dựng khu công nghiệp (Acr): Kết quả lượng hóa cho thấy diện tích đất thu hồi do xây dựng khu công nghiệp có hệ số của biến là 0,042 tức là có mối quan hệ tương quan dương, như vậy kết quả nghiên cứu của tác giả trái ngược với kết quả nghiên cứu của Nguyen, V. C., McGrath, T., & Pamela, W. (2006) và đồng nhất với kết quả nghiên cứu của các tác giả Nguyen Van Suu (2009) tức là khi hộ gia đình mất đất do xây dựng khu công nghiệp hay phục vụ cho các mục đích khác, một bộ phận người dân sẽ có thu nhập tăng lên khi có đủ điều kiện nguồn lực cũng như tận dụng tốt lợi thế của quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

+ Số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp (Employ): Kết quả nghiên cứu định lượng đưa ra hệ số của biến số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp là 34,840 là hệ số dương tức là mối quan hệ giữa biến nghiên cứu và biến thu nhập là mối quan hệ cùng chiều. Như vậy khi số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp được tăng lên thì thu nhập cũng tăng lên. Kết quả nghiên cứu của tác giả phù hợp với nghiên cứu tham khảo trước đó.

+ Vị trí đất đai của hộ gia đình (VTDD): Hệ số của biến này ghi nhận được là 34,752, hệ số của biến là dương tức là mối quan hệ giữa vị trí đất đai của hộ gia đình và thu nhập của người dân là thuận chiều. Kết quả nghiên cứu cũng giải thích được rằng với hộ gia đình có vị trí đất đai của hộ gia đình càng thuận lợi thì thu nhập của hộ gia đình càng được nâng lên. Giải thích cho vấn đề này, thực tế chứng minh với những gia đình có vị trí đất đai thuận lợi là điều kiện cần và đủ để xây dựng lên các dịch vụ phụ trợ như nhà trọ, buôn bán dịch vụ, hàng hóa... và hàng loạt các hoạt động kinh doanh khác xung quanh khu công nghiệp. Chính vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho thu nhập của người lao động nói riêng và thu nhập của hộ gia đình có vị trí đất đai thuận lợi tăng lên.

2.2.2.2. Tác động tiêu cực

Theo kết quả thống kê mô tả cũng như kết quả lượng hóa mức độ ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, tác giả đánh giá biến số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng KCN là biến có tác động tiêu cực đến thu nhập của người dân, cụ thể:

Theo bảng 2.13, với biến số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng KCN nhận được giá trị trung bình là 0,742 trong khi giá trị thấp nhất thu được là 0 và giá trị cao nhất thu được cũng là 3. Theo đó có thể thấy, khi xây dựng các KCN, ngoài việc tạo ra việc làm cho người lao động là tác động tích cực đến thu nhập của người dân thì cũng có những tác động tiêu cực đến thu nhập của người dân như một bộ phận người dân bị mất việc làm do không thích ứng được hoặc thích ứng không kịp thời với việc mất đất, mất nghề làm nông hay nói cách khác là kkhi môi trường sống bị thay đổi, chính vì vậy người dân chưa tìm được công việc phù hợp cho bản thân, người dân rơi vào tình trạng thất nghiệp, kết quả là thu nhập của người dân bị giảm.

Theo bảng 2.15 số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng Khu công nghiệp (Unemploy). Bên cạnh những tác động tích cực mà việc xây dựng các KCN tạo ra cho người dân như hệ thống giao thông, số lượng lao động có thêm khi xây dựng KCN thì cũng có tác động tiêu cực mà xây dựng KCN tạo ra là lao động thất nghiệp do bị mất đất, thu hồi đất hoặc chưa kịp bắt nhịp với cuộc sống khi KCN được tạo ra. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ số của biến là -24,149, hệ số âm tức là mối quan hệ giữa số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng KCN và thu nhập của người dân là mối quan hệ ngược chiều. Qua đây cũng một lần nữa khẳng định là, số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng KCN tăng lên thì thu nhập của người lao động bị giảm và ngược lại.

2.3. Đánh giá chung về vai trò của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

2.3.1. Tác động tích cực

Thứ nhất, sau khi đầu tư phát triển khu công nghiệp, các nhà đầu tư đến sản xuất kinh doanh tại đây, số lượng việc làm được tạo ra cho người dân xung quanh khu công nghiệp và người dân những khu vực phụ cận ngày càng được tăng lên. Cụ thể trong giai đoạn năm 2016 đến năm 2023, số lượng việc làm được tạo ra tăng lên từ 58.690 người năm 2016 lên đến 146.811 người năm 2023, tức là tăng khoảng 150% so với cùng kì năm 2016.

Thứ hai, đầu tư phát triển khu công nghiệp cũng đã mang lại tác động tích cực đến thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, đặc biệt là những địa phương có các khu công nghiệp được đầu tư xây dựng. Dữ liệu thống kê đã minh chứng cho việc, địa phương có nhiều khu công nghiệp tập trung, thu nhập bình quân của người dân tại đây dường như có xu hướng cao hơn so với các địa phương không có khu công nghiệp và cao hơn mức bình quân chung của tỉnh. Cụ thể như tại Thị xã Phúc Yên, thu nhập bình quân của người dân tại đây khoảng 4802 nghìn đồng/tháng cao hơn khoảng 512 nghìn đồng/tháng so với mức thu nhập trung bình của tỉnh Vĩnh Phúc.

Thứ ba, công việc và thu nhập của người dân ổn định hơn sau khi đầu tư phát triển khu công nghiệp. Khi đầu tư phát triển khu công nghiệp được thực hiện,

người dân có công việc mới cũng như thu nhập của người dân cũng ổn định hơn trước so với việc làm nông, sản xuất nông nghiệp là chính do phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thời tiết, khí hậu, đất đai, con giống... hay thậm chí là việc được mùa mất giá. Làm việc tại các khu công nghiệp hay buôn bán kinh doanh xung quanh các khu công nghiệp tuy có chịu sự tri phối của một vài yếu tố ngoại quan ảnh hưởng xấu đến nguồn thu nhập nhưng là rất nhỏ so với hoạt động sản xuất kinh doanh bằng nông nghiệp.

2.3.2. Tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực mà đầu tư phát triển khu công nghiệp mang lại cho thu nhập của người dân thì vẫn còn những tác động tiêu cực cần phải nhắc đến như:

Thứ nhất, sụt giảm trong thu nhập của người dân không kịp thích ứng. Khi mất đất cho khu công nghiệp được xây dựng và phát triển, một bộ phận người dân mất đất chưa kịp làm quen với các hình thức kinh doanh mới hoặc thậm chí loay hoay không biết làm gì bởi bản chất trước đây người dân chỉ quen với việc làm nông mà tư liệu sản xuất chính là đất. Chính vì vậy khi có sự thay đổi do mất đất, người dân không kịp thích ứng dẫn tới sự sụt giảm nghiêm trọng về thu nhập thường xuyên, tình trạng thu nhập mất ổn định do lúc đầu người dân có khoản tiền đền bù đất nhưng sau đó không có việc làm dẫn đến người dân không có thu nhập. Nhiều người dân cho rằng sau khi được đền bù, họ sử dụng để mua sắm những vật dụng không thiết yếu mà trước kia họ không có điều kiện mua như: Xe máy, ô tô, điện thoại mới... dẫn đến tình trạng số tiền đền bù được sử dụng trong thời gian ngắn mà không tạo ra giá trị cho sau này. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ số của biến thất nghiệp do xây dựng khu công nghiệp (-26,764), hệ số âm tức là mối quan hệ giữa số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng KCN và thu nhập của người dân. Điều đó có thể thấy những tác động do đầu tư phát triển khu công nghiệp mang lại.

Thứ hai, hiện tượng thất nghiệp xảy ra khi người dân chưa thích nghi được với sự thay đổi bối cảnh do đầu tư phát triển khu công nghiệp, theo kết quả khảo sát từ 120 người dân sống xung quanh khu công nghiệp, giá trị trung bình của biến lao

động thất nghiệp khi đầu tư phát triển khu công nghiệp nhận giá trị trung bình là 0,742, do vậy có thể thấy số lượng lao động thất nghiệp của người dân sống xung quanh khu công nghiệp cũng tương đối lớn.

2.3.3. Nguyên nhân

2.3.3.1. Nguyên nhân của tác động tích cực

Thứ nhất, tỉnh Vĩnh Phúc đã có những chính sách đầu tư tương đối hợp lý, đặc biệt là hoạt động đầu tư công: điện, đường, trường, trạm để phục vụ cho sự phát triển của các khu công nghiệp cũng như thu hút đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài. Khi mới tái lập, các tuyến đường Quốc lộ chạy qua tỉnh chủ yếu là đá rã, cấp phối, đến nay 3 tuyến Quốc lộ chạy qua tỉnh có chiều dài gần 82km đều được mở rộng mặt cắt và nhựa hóa 100%. Tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội - Lào Cai chạy qua tỉnh với 3 nút giao lên xuống đã và đang là điều kiện thuận lợi để tỉnh Vĩnh Phúc kết nối với các tỉnh phía Bắc và vùng đồng bằng Sông Hồng. Các tuyến đường tỉnh khi mới tái lập chất lượng rất kém, các tuyến huyện lộ đều là đường cấp phối xuống cấp nghiêm trọng, đến nay đã có 17 tuyến với tổng chiều dài hơn 370km được cải tạo, nâng cấp cứng hóa đạt 100% bằng bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng. Mạng lưới giao thông của tỉnh hình thành 5 tuyến đường vành đai, các tuyến đường hướng tâm cơ bản đã hoàn thành. Nhiều tuyến đường nội thị chính thành phố Vĩnh Yên và Phúc Yên và nhiều tuyến đường tỉnh lộ, huyện lộ,... đã được đầu tư, cải tạo nâng cấp đạt chất lượng tốt. Lưới điện được phủ kín đến tất cả các thôn, hạ tầng cung cấp điện thường xuyên được đầu tư nâng cấp. Nhiều công trình cấp nước sạch được quan tâm đầu tư theo đó nâng tỷ lệ dân cư đô thị loại IV trở lên được cung cấp nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung năm 2022 đạt 93%. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải từng nước được quan tâm đầu tư, nhiều tuyến kênh tiêu đã được đầu tư nạo vét, hệ thống nước thải khu vực nông thôn được triển khai rộng khắp và để xử lý nước thải đô thị Vĩnh Yên, tỉnh đã đầu tư nhà máy xử lý nước thải công suất 5.000 m³/ngđ ở Quất Lưu và nhà máy xử lý nước thải phía Tây thành phố Vĩnh Yên ở Đồng Cương công suất 6.000 m³/ngđ. Hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo tiêu chuẩn thiết kế mới, sử dụng đa mục tiêu. Nhiều công trình y tế lớn cũng đã được triển khai đầu tư xây

dựng, nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân như Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh và các công trình y tế tuyến huyện, trạm y tế xã... Hoàn thành một số công trình giáo dục trọng điểm như trường PTTH chuyên Vĩnh Phúc, trường THPT Nguyễn Thị Giang, trường THPT Trần Hưng Đạo và cải tạo, nâng cấp các trường học trên địa bàn. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển.

Đi cùng với kinh tế, hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư từng bước hoàn thiện, diện mạo đô thị văn minh, hiện đại, thành phố trực thuộc Trung ương đang dần hiện hữu. Đến nay, toàn tỉnh đã có 32 đô thị, trong đó, thành phố Vĩnh Yên là đô thị loại II giữ vai trò trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của tỉnh, thành phố Phúc Yên là đô thị loại III và 30 đô thị loại V, tỷ lệ dân số đô thị đến năm 2022 đạt 47%. Hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư hoàn thiện trong đó nhiều dự án lớn, trọng điểm không chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhân dân mà còn tạo điểm nhấn quan trọng trong không gian đô thị Vĩnh Phúc như: Công viên Quảng trường Hồ Chí Minh; Văn Miếu tỉnh; Trường THPT Chuyên Vĩnh Phúc; Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Sản-Nhi Vĩnh Phúc; Công viên 29/12 thành phố Vĩnh Yên; khu công viên cây xanh các huyện Lập Thạch, Tam Đảo, Vĩnh Tường, Yên Lạc; hạ tầng các khu du lịch Tam Đảo, Tây Thiên, Đại Lải;...Cơ sở hạ tầng đô thị từng bước được hoàn thiện, thành phố Vĩnh Phúc văn minh, hiện đại, đáng sống đang dần hiện hữu.

Song song với phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới của tỉnh cũng được chú trọng và đã đạt được những kết quả quan trọng. Tỉnh đã sớm hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới từ năm 2011; huy động cả hệ thống chính trị, các tổ chức và người dân cùng tham gia xây dựng nông thôn mới; thay đổi cách chỉ đạo và triển khai, lựa chọn các xã làm điểm, phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo từng xã, từng tiêu chí, ưu tiên nguồn lực đầu tư; ban hành hệ thống cơ chế chính sách hỗ trợ đầu tư đồng bộ, công khai, phân cấp rõ ràng, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, quyết liệt chỉ đạo tập trung vốn đầu tư hàng năm để hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới. Đến hết năm 2022, toàn tỉnh đã có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, có 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 1 xã đạt chuẩn nông thôn kiểu mẫu và 44 thôn đạt chuẩn nông thôn

mới kiểu mẫu, 4/9 huyện, thành phố được công nhận đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Thứ hai, hoạt động quy hoạch đầu tư phát triển KCN của địa phương có chủ đích, có mục tiêu và tầm nhìn dài hạn. Với những quyết tâm và nỗ lực của tỉnh, số lượng khu công nghiệp trên địa bàn đã phát triển mạnh, thời điểm tái lập tỉnh mới chỉ có 1 khu công nghiệp Kim Hoa với quy mô 50ha và đến hết năm 2023 trên địa bàn tỉnh có 16 KCN đã thành lập, được quyết định chủ trương đầu tư, trong đó có 8 KCN đi vào hoạt động với tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê, đăng ký thuê 1.293 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 57,16%. Nhìn chung, các khu công nghiệp của tỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào ngày càng được hoàn thiện nhất là các công trình quan trọng, thiết yếu như: nhà máy xử lý nước thải; đường giao thông; hệ thống chiếu sáng; cây xanh;... nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng các KCN hiện có, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, để thu hút thêm các nhà đầu tư thứ cấp, tăng tỷ lệ lấp đầy các KCN. Đến nay, cơ bản các KCN đã đi vào hoạt động có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư thứ cấp; một số khu đã được chủ động xây dựng, tạo ra quỹ đất sạch với mức giá cho thuê hạ tầng hợp lý, tạo được lợi thế cạnh tranh với các tỉnh thành lân cận như: khu công nghiệp Bá Thiện, Bá Thiện II, Bình Xuyên II, Thăng Long Vĩnh Phúc... Tỉnh đã thu hút được một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn vào đầu tư và sản xuất ra những sản phẩm chủ lực, tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động, đóng góp chủ yếu cho ngân sách tỉnh, gia tăng kim ngạch xuất khẩu cho tỉnh như: tập đoàn Toyota Việt Nam, Honda Việt Nam, Piaggio, Deawoo bus, tập đoàn Prime, thép Việt Đức, một số doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện tử...

Thứ ba, các chương trình xúc tiến đầu tư được thực hiện đều đặn, có sự phối hợp giữa các bộ ban ngành liên quan. Thực tế cho thấy, hợp tác, giao lưu, kết nối với các đối tác nước ngoài trên cả ba lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa đã được tăng cường. Tỉnh duy trì và phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác truyền thống, mở rộng và thiết lập quan hệ với các đối tác mới. Hiện nay, Vĩnh Phúc có quan hệ hợp tác hữu nghị với tỉnh Chungcheongbuk (Hàn Quốc), tỉnh Akita (Nhật Bản) và các tỉnh Bắc Lào. Từ nền tảng quan hệ được thiết lập, tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động trao đổi đoàn các cấp, nhiều hoạt động giao lưu, hợp tác, trao đổi kinh nghiệm

trên các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, nông nghiệp... được thực hiện. Thông qua các diễn đàn song phương, đa phương, các hội chợ thương mại quốc tế tỉnh đã đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, vận động viện trợ phi chính phủ. Hằng năm, tỉnh tổ chức các đoàn thăm hữu nghị kết hợp xúc tiến đầu tư, tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế tại nước ngoài để quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh với bạn bè quốc tế, cùng với đó là việc phối hợp tốt với Đại sứ quán các nước tại Việt Nam để tăng cường hợp tác hữu nghị và tranh thủ kêu gọi các dự án đầu tư. Các hoạt động ngoại giao văn hóa, thông tin, tuyên truyền đối ngoại cũng được triển khai tích cực, trong đó đã tăng cường giới thiệu, quảng bá các đặc trưng văn hóa, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến bạn bè trong nước và quốc tế qua nhiều hình thức đa dạng như tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, xuất bản các ấn phẩm, chuyên san giới thiệu về tỉnh...

Ngay khi tái lập, Vĩnh Phúc đã xác định “chìa khóa” để phát triển đó là thu hút đầu tư phát triển công nghiệp và xác định phương châm “Tất cả các nhà đầu tư đến Vĩnh Phúc đều là công dân của Vĩnh Phúc”. Từ đó, tỉnh đã có những hướng đi mang tính đột phá để trở thành “điểm sáng” của cả nước về công tác thu hút đầu tư như: thành lập bộ phận chuyên nghiệp trong xúc tiến và thu hút đầu tư; coi trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ, kịp thời giải quyết ngay những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư; duy trì thường xuyên chương trình gặp gỡ doanh nhân hàng tuần; thường xuyên, liên tục cải cách thủ tục hành chính; lựa chọn các đối tác, quốc gia phát triển để triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư; tăng cường quảng bá hình ảnh về môi trường đầu tư qua nhiều kênh uy tín...

Thứ tư, chính sách đền bù giải phóng mặt bằng đã có sự cải thiện, tuy không rõ rệt nhưng cũng đã thể hiện được quyết tâm và nỗ lực của các ban ngành đoàn thể trong công tác này. Tỉnh đã có cách tiếp cận mới về xây dựng cơ chế, chính sách về đất dịch vụ đảm bảo đúng pháp luật, hài hòa 3 lợi ích, chú trọng đảm bảo lợi ích của người dân bị mất đất và giải quyết đất ở, nhà ở của nhân dân. HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết về giải quyết chính sách đất dịch vụ và được UBND tỉnh cụ thể hóa bằng các quyết định quy định về bồi thường, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, thực hiện phân cấp, phân quyền, phân trách nhiệm và tạo quyền chủ động cho cấp huyện, cấp xã giải quyết về đất dịch vụ; các sở, ban, ngành đã ban hành hướng dẫn

liên ngành về trình tự, thủ tục, phê duyệt địa điểm, giải phóng mặt bằng, thu hồi và giao đất thực hiện dự án đầu tư... Vì vậy, những vướng mắc về đất dịch vụ tồn tại rất nhiều năm đã được giải quyết, nguồn thu từ đất tăng dần qua các năm góp phần tạo nguồn lực cho chi đầu tư phát triển.

Thứ năm, về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên. Tỉnh Vĩnh Phúc đã tận dụng được tối đa vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên để phát triển các KCN. Đặc biệt là tuyến giao thông huyết mạch nối Vĩnh Phúc với Hà Nội và các tỉnh lân cận.

2.3.3.2. Nguyên nhân của tác động tiêu cực

Thứ nhất, chất lượng quy hoạch các KCN của tỉnh Vĩnh Phúc vẫn chưa thực sự tốt, tầm nhìn dài hạn cũng như tính bền vững chưa được đặt chung vào với quy hoạch phát triển KCN của địa phương. Các khu công nghiệp được xây dựng hầu hết chỉ dựa trên nhu cầu và tư vấn của một vài nhà đầu tư mà chưa chú trọng vào tính bền vững và phát triển của KCN trong tương lai. Cụ thể với các KCN trên địa bàn huyện Tam Dương, tại đây KCN được xây dựng nhưng chưa đáp ứng được về tỉ lệ lấp đầy KCN, chưa xem xét đến tính hợp lý của cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội đồng thời chưa có được quy hoạch nhằm hỗ trợ sự phát triển của KCN trên địa bàn huyện Tam Dương dẫn đến trên địa bàn huyện dù KCN đã được thành lập nhưng hiện nay chỉ có 1 nhà máy thực hiện hoạt động xây dựng và sản xuất trên địa bàn KCN này.

Thứ hai, chương trình xúc tiến đầu tư của Ban quản lý các KCN trên địa bàn tỉnh cùng với kế hoạch xúc tiến đầu tư của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc vẫn chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả. Nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư chỉ diễn ra theo hình thức và phong trào mang tính chất đối phó và cho có. Nếu so sánh với các tỉnh khác như Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh thì hoạt động xúc tiến đầu tư được thực hiện hiệu quả hơn cả khi thường xuyên có các buổi hội thảo chuyên ngành, các buổi giới thiệu hình ảnh của tỉnh nhà với các nhà đầu tư hay việc tham gia của các nhà đầu tư trong những buổi tuyên dụng nhân lực lao động (hội chợ việc làm) được Sở lao động thương binh xã hội tỉnh kết hợp với các đơn vị liên quan tổ chức nhằm cung cấp tối đa cơ hội việc làm cho người dân lao động tỉnh nhà.

Thứ ba, các chính sách liên quan đến vấn đề bồi thường, giải phóng mặt bằng thường xuyên thay đổi, chưa phản ánh chính xác điều kiện của địa phương

dẫn đến khó khăn trong việc xác định mức bồi thường hợp lý cho cả nhà đầu tư và người dân. Trường hợp người dân muốn bồi thường ở mức cao dẫn đến tình trạng doanh nghiệp gián tiếp phải chịu một khoản chi phí lớn dành cho bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí thuê đất cũng bị độn lên kéo theo làm giảm tính cạnh tranh của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp trong cùng ngành tại những địa phương có chi phí thuê đất thấp.

Thứ tư, công tác xây dựng nhà ở cho công nhân vẫn chưa được quan tâm, chú trọng, công nhân chủ yếu vẫn sống tại các nhà trọ do người dân xây dựng và kinh doanh, tiện ích không đầy đủ, điều này đã trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người công nhân.

Thứ năm, trình độ, kỹ năng tay nghề của người dân chưa thực sự đáp ứng với nhu cầu của các doanh nghiệp công nghệ cao. Một số người dân dần trở nên lỗi thời, cuộc sống ngày càng tụt hậu khi các KCN phát triển bởi lẽ họ không bắt nhịp được với cuộc sống mới, do đó họ không có cách nào để ổn định cuộc sống khi có sự xuất hiện của các KCN. Một số hộ dân khác có khả năng bắt nhịp với cuộc sống mới khi KCN phát triển, họ tìm ra cách để có thể sản xuất kinh doanh theo hình thức mới tuy nhiên lại không có khả năng tiếp cận với nguồn hỗ trợ như: vốn, tư vấn chuyên gia do đó đôi khi họ vẫn loay hoay không biết làm như thế nào? Làm từ đâu? Làm với ai?

Thứ sáu, khu công nghiệp phát triển đồng thời đời sống vật chất tinh thần của người dân cũng tăng cao, nhu cầu cuộc sống cũng ngày càng được đòi hỏi cao hơn, do vậy các chi phí sinh hoạt cũng ngày càng biến đổi theo hướng đắt hơn. Tuy người dân có nhiều cơ hội việc làm hơn, nguồn thu nhập ổn định hơn nhưng mức thu nhập không thay đổi nhiều so với thời điểm chưa có khu công nghiệp. Chính vì sự tăng lên của giá cả nhưng tiền lương hay thu nhập lại không tăng lên đã khiến người dân gặp tình trạng khó khăn với điều kiện sinh hoạt hiện tại. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một bộ phận người dân có cuộc sống tốt hơn khi có KCN phát triển, tuy nhiên một bộ phận người dân không hề nhỏ cũng chỉ ra rằng thu nhập của họ không đủ để chi trả cho đời sống hàng ngày khi KCN bắt đầu được đầu tư và phát triển như hiện nay.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT HUY TÁC ĐỘNG TÍCH CỰC, HẠN CHẾ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP ĐẾN THU NHẬP CỦA NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

3.1. Quan điểm và định hướng của tỉnh Vĩnh Phúc về đầu tư phát triển khu công nghiệp

3.1.1. Quan điểm của tỉnh Vĩnh Phúc về đầu tư phát triển khu công nghiệp

Vận dụng chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tỉnh Vĩnh Phúc cũng đưa quan điểm riêng trong việc đầu tư phát triển khu công nghiệp. Theo đó, tỉnh Vĩnh Phúc đưa ra quan điểm phát triển khu công nghiệp tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

Thứ nhất, đầu tư phát triển KCN đòi hỏi phải tuân thủ theo kế hoạch, quy định, quy hoạch được duyệt, phải thường xuyên được điều chỉnh để ưu tiên phát triển những ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh cũng như xu hướng phát triển của đất nước trong từng thời kì.

Thứ hai, đầu tư phát triển các KCN phải có trọng tâm, trọng điểm, không phát triển một cách ồ ạt gây nên những ảnh hưởng xấu xuất phát từ việc không thể quản lý một cách chặt chẽ và nghiêm ngặt mọi hoạt động của KCN. Tiến hành hợp tác với các đối tác chiến lược có trình độ phát triển về khoa học và kĩ thuật, tiến hành xây dựng thí điểm các KCN có công nghệ cao, KCN mũi nhọn để thu hút vốn đầu tư cho phát triển công nghệ cao.

Có sự bình đẳng trong phát triển KCN giữa các huyện trong tỉnh, đảm bảo có sự phát triển cân bằng về kinh tế - xã hội, giúp tỉnh nhà phát triển đồng đều từ khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn đến khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đã tương đối ổn định. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ chuyên gia công sang công nghiệp chế biến các nguyên liệu có sẵn và công nghiệp chế tạo nhằm nâng cao giá trị của hàng hóa sản phẩm.

Mục tiêu phát triển KCN phải gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế bền vững tức là hài hòa giữa các yếu tố kinh tế lẫn các yếu tố thuộc về môi trường. Thực hiện xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng CN và vận hành KCN đi liền với hoạt động bảo vệ môi trường cả trong và ngoài KCN. Có sự giám sát, theo dõi chăm lo điều kiện làm việc, đời sống sinh hoạt kể cả vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện giám sát chặt chẽ việc thi hành pháp luật của các doanh nghiệp, tổ chức trong KCN.

Các mục tiêu phát triển KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc: Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc đã đưa ra một số chỉ tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 như sau:

Các chỉ tiêu chủ yếu

- Về cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: dự kiến thu hút 50 - 60 dự án FDI, với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn 668,36 triệu USD và 10 - 20 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 6.000 tỷ đồng (Trong đó có 04 dự án đầu tư hạ tầng KCN với tổng vốn đầu tư dự kiến 68,36 triệu USD và 3.976 tỷ đồng).

- Về triển khai dự án:

+ Dự án đi vào sản xuất kinh doanh: dự kiến có thêm 60 - 70 dự án đi vào hoạt động SXKD (50 - 60 dự án FDI và 10 - 20 dự án đầu tư trong nước).

+ Vốn thực hiện: dự kiến vốn thực hiện của các dự án FDI đạt 730 triệu USD; vốn thực hiện của các dự án đầu tư trong nước đạt 3.868 tỷ đồng (bao gồm cả các dự án hạ tầng KCN).

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

+ Dự án FDI: Doanh thu đạt 22.180 triệu USD; Giá trị xuất khẩu đạt 16.862 triệu USD; Nộp ngân sách đạt 13.812 tỷ đồng.

+ Dự án đầu tư trong nước: doanh thu đạt: 29.000 tỷ đồng; Giá trị xuất khẩu: 2.800 tỷ đồng; Nộp Ngân sách: 846 tỷ đồng.

Thu hút và tạo việc làm mới cho khoảng 30.000 lao động trong và ngoài tỉnh.

3.1.2. Định hướng đầu tư phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030

Tỉnh Vĩnh Phúc cho rằng, đầu tư phát triển KCN trên địa bàn tỉnh cần có sự phù hợp với định hướng đầu tư phát triển KCN của cả nước theo từng vùng kinh tế,

gắn đầu tư phát triển công nghiệp của tỉnh nhà với đầu tư phát triển công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và đặc biệt là gắn với sự phát triển công nghiệp của Hà Nội. Để thực hiện được điều đó thì:

Phát triển KCN của tỉnh phải phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng nói chung và của tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng.

Muốn phát triển KCN điều kiện tiên quyết là phải đảm bảo sự phát triển một cách bền vững về cả mặt kinh tế, xã hội cũng như môi trường. Đảm bảo mọi hoạt động phát triển kinh tế phải gắn liền với sự phát triển của người dân, cuộc sống xã hội của người dân đòi hỏi phải từng bước được nâng cao và cải thiện.

Đầu tư phát triển KCN cần có sự tính toán về hiệu quả và chi phí sử dụng cho hoạt động đầu tư phát triển KCN. Hiệu quả của KCN phải được tạo ra lớn tuy nhiên chi phí sử dụng phải ở mức tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả nhất nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Phát triển KCN tập trung, đồng bộ, hình thành các cụm KCN trên địa bàn tỉnh tạo thành trung tâm phát triển công nghiệp trọng tâm, trọng điểm của tỉnh nhà, Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu dân số. Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thu hút vốn đầu tư vào phát triển KCN nói riêng và nền kinh tế của tỉnh nhà nói chung.

Có sự quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp đồng bộ với quy hoạch về nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội... Tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc sống của người dân trong và ngoài khu công nghiệp đặc biệt là lực lượng lao động phục vụ cho KCN.

Chú trọng thu hút vốn đầu tư đặc biệt là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các lĩnh vực có trình độ cao, từng bước nâng cao trình độ phát triển khoa học kỹ thuật cũng như công nghệ của tỉnh nhanh chóng bắt kịp với sự phát triển của các khu công nghệ cao của đất nước.

Chú trọng đào tạo đội ngũ lao động có trình độ tay nghề cao, có khả năng làm việc với công nghệ hiện đại tiên tiến phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp công nghệ cao trên thế giới đến đầu tư tại Vĩnh Phúc.

Dự kiến đến năm 2030, Vĩnh Phúc sẽ phát triển thêm khoảng 23 KCN và sau năm 2030 sẽ phát triển thêm 4 KCN. Tổng số KCN trên địa bàn tỉnh đến năm 2023 sẽ vào khoảng 27 KCN với tổng quỹ đất công nghiệp dự kiến là vào khoảng 6.200 -

7.000 ha. Trong đó quy hoạch giai đoạn 2021-2023 tầm nhìn đến 2050, tỉnh Vĩnh phúc sẽ tích hợp quy hoạch các KCN.

Giải quyết và tháo gỡ các khó khăn cụ thể liên quan đến các KCN Lập Thạch I và Lập Thạch II, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt.

Phối hợp với các nhà đầu tư và các cơ quan liên quan giải quyết các vấn đề có liên quan đối với các KCN Lập Thạch I và Lập Thạch II, trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Phúc Yên theo Quyết định số 124/QQD-TTg, ngày 24/01.2022 của Thủ tướng Chính Phủ.

Rà soát toàn bộ hệ thống hạ tầng trong các KCN; yêu cầu đơn đốc và giám sát chủ đầu tư kết cấu hạ tầng KCN để thực hiện tu sửa định kỳ, đồng bộ và nâng cấp, bổ sung hệ thống hạ tầng KCN theo đúng như quy định được duyệt.

Cuối cùng đề xuất cải tạo, nâng cấp và làm mới các công trình kỹ thuật ngoài hàng rào các KCN nhằm đồng bộ gắn kết với hạ tầng kỹ thuật xã hội, các khu vệ tinh trong KCN để đảm bảo cho sự phát triển ngày càng bền vững, góp phần cải thiện chất lượng môi trường đặc biệt là môi trường thu hút vốn đầu tư trên địa bàn các KCN của tỉnh nhà.

3.2. Giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Tác giả tiến hành đề xuất ba giải pháp nhằm phát huy tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của hoạt động đầu tư phát triển KCN đến thu nhập của người dân bao gồm: Tạo việc làm ổn định cho người dân tại khu công nghiệp nói riêng và người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói chung; Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn liền với hoạt động của khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và Tăng cường trách nhiệm của các công ty, tổ chức nhận đất đối với các hộ dân bị thu hồi đất trên địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

3.2.1. Tạo việc làm ổn định cho người dân tại khu công nghiệp nói riêng và người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói chung

Căn cứ đề xuất giải pháp:

Đầu tư phát triển khu công nghiệp đã thu hồi một phần diện tích đất nông nghiệp hay những tư liệu sản xuất của người dân vì vậy, khi một bộ phận người dân mất đất chưa kịp làm quen với các hình thức kinh doanh mới hoặc thậm chí loay hoay không biết làm gì bởi bản chất trước đây người dân chỉ quen với việc làm nông mà tư liệu sản xuất chính là đất. Chính vì vậy khi có sự thay đổi do mất đất, người dân không kịp thích ứng dẫn tới sự sụt giảm nghiêm trọng về thu nhập thường xuyên của người dân. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy hệ số của biến thất nghiệp do xây dựng khu công nghiệp (-26,764), hệ số âm tức là mối quan hệ giữa số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng KCN và thu nhập của người dân. Vì vậy, yêu cầu cần có giải pháp để tạo việc làm ổn định cho người dân tại các khu công nghiệp cũng như người dân tại địa phương có khu công nghiệp đầu tư xây dựng.

Đối tượng thực hiện giải pháp:

UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, Sở lao động – thương binh và xã hội tỉnh Vĩnh Phúc, Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc.

Nội dung giải pháp:

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của người dân mất đất nói riêng và người dân tỉnh Vĩnh Phúc nói chung để nâng cao khả năng tiếp cận nghề nghiệp trong các khu công nghiệp. Thực tế cho thấy ngày nay, trình độ của người dân tại tỉnh Vĩnh Phúc vẫn chưa thật sự cao, đa số người dân không có trình độ kỹ thuật, ý thức kỷ luật vẫn theo hướng tự phát, do đó để có được việc làm với mức thu nhập cao là tương đối khó khăn. Chính vì vậy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ý thức kỷ luật lao động của người dân đồng thời đào tạo về kỹ năng và trình độ chuyên môn là yếu tố cần thiết của địa phương hiện nay.

Đối với những người dân không có khả năng chuyển đổi từ làm nông sang làm việc tại các KCN đòi hỏi chính quyền địa phương cần đưa ra những phương án, giải pháp phù hợp để tạo ra nguồn thu nhập cho những người dân này. Cụ thể có thể cân

nhắc đến một số giải pháp như cấp một diện tích đất hợp lý trong khu tái định cư để người dân thực hiện các hoạt động kinh doanh tự tạo ra nguồn thu nhập ổn định như xây nhà trọ, mở cửa hàng buôn bán hàng hóa, mỹ phẩm, nhu yếu phẩm hàng ngày, cửa hàng sửa chữa đồ gia dụng, xe máy, ô tô... phục vụ cho người lao động cho KCN nói riêng và người dân trong khu nói chung. Đây là loại hình được sử dụng tương đối phổ biến và rộng rãi tại các khu công nghiệp hiện nay để dành cho người dân bị mất đất do tính ứng dụng cao và có nhiều lựa chọn để thực hiện.

Phát triển các dịch vụ tư vấn về thị trường lao động, thành lập các trung tâm giới thiệu việc làm là cầu nối cho doanh nghiệp và người lao động, phát triển các cơ sở môi giới việc làm giữa người lao động của tỉnh nhà với các doanh nghiệp nước ngoài tạo ra hình thức xuất khẩu lao động theo đúng quy định của nhà nước.

Yêu cầu vấn đề giải quyết việc làm cho người dân bị mất đất là một phần bắt buộc không thể thiếu trong quá trình hình thành và xây dựng các KCN. Tỉnh Vĩnh Phúc cần căn cứ dựa trên kế hoạch sử dụng lao động, quy hoạch sử dụng đất, tính chất hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư vào KCN để lên kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt là người dân bị mất đất cho KCN nhằm bước đầu tạo cho người dân có kiến thức, trình độ, tay nghề cơ bản về việc làm tại KCN trước khi thực hiện thu hồi đất hoặc chậm nhất là trước khi có chủ trương, phương án bồi thường GPMB. Tăng cường đầu tư phát triển các làng nghề, khu vực dịch vụ của địa phương gắn liền với KCN nhằm tạo ra nguồn thu nhập ổn định trước cho người dân. Nghiên cứu và thử nghiệm quỹ hỗ trợ việc làm cho người dân tại tỉnh Vĩnh Phúc.

Với người dân bị mất đất: Cần có định hướng sử dụng vốn và chính sách hỗ trợ vốn phù hợp với người dân. Hiện nay tại các khu công nghiệp, nếu người dân bị mất đất sẽ nhận được những khoản bồi thường rất lớn với diện tích đất bị thu hồi, tuy nhiên do số tiền đó quá lớn đến cùng một lúc, người dân đa số đều chưa có kế hoạch sử dụng phù hợp đồng thời chưa có được kiến thức, định hướng cụ thể, do vậy số tiền đền bù đó thường được sử dụng sai mục đích, phục vụ đa số cho nhưng nhu cầu cá nhân không tạo ra được giá trị cho sau này, dần dần số tiền đó bị mất đi và người dân không còn đủ vốn thực hiện kinh doanh nếu muốn. Trước tình hình đó, cần đặt ra vấn đề: “Làm thế nào để có thể vừa đầu tư phát triển KCN nhằm phát triển kinh tế địa

phương mà lại vừa tạo ra nguồn thu nhập ổn định cho người dân bị mất đất không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp nói riêng và người dân bị mất đất nói chung tại tỉnh Vĩnh Phúc”. Tỉnh Vĩnh Phúc có thể tham khảo định hướng cho người dân bị mất đất giải pháp góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào các dự án đầu tư kinh doanh tại các khu đô thị lớn hoặc các KCN, theo đó sau khi nhận tiền đền bù đất từ việc bị thu hồi đất, người dân sẽ thực hiện góp vốn vào các nhà máy xí nghiệp được xây dựng trên đất của họ, điều đó vừa giúp người dân đầu tư, vừa giúp bảo vệ số tiền khỏi những nhu cầu vật chất thứ yếu, không cần thiết.

Với người dân: Bằng việc góp vốn, người dân sẽ được ưu tiên tuyển dụng vào làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp thực hiện góp vốn. Chính vì vậy, cơ hội việc làm cho người dân sẽ được mở rộng và tăng lên. Mặt khác, khi làm việc tại đây, người dân được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Do đó, người dân không chỉ có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng mà còn được hưởng những phúc lợi xã hội đặc biệt là nguồn thu nhập hưu trí sau khi người lao động về hưu.

Với doanh nghiệp: Hoạt động góp vốn của người dân vào nhà máy xí nghiệp cũng như các đơn vị kinh doanh có tác động tích cực đến nguồn vốn hoạt động của doanh nghiệp bởi lẽ khi người dân góp vốn, doanh nghiệp sẽ có thêm nguồn vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như mở rộng kinh doanh, từ đó tạo thêm không ít công ăn việc làm cho người dân. Việc góp vốn giúp người dân cũng hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng bởi lẽ khi góp vốn, người dân chính là một phần của doanh nghiệp, chính vì vậy những tình trạng như không thỏa thuận được về việc giải phóng mặt bằng hoặc đền bù đất với người dân cũng được giảm thiểu đáng kể thậm chí là không xảy ra.

Kết quả thực hiện giải pháp:

Giải pháp này được đề xuất nhằm tạo ra đủ số việc làm cho người dân bị mất đất nói riêng và người dân sống quanh khu công nghiệp nói chung cũng như người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cũng như các khu vực xung quanh khu công nghiệp. Tạo ra mức sống ổn định, thu nhập hàng tháng được duy trì. Đề xuất đến năm 2030, số việc làm được tạo tại các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ước đạt khoảng 300.000 việc làm.

3.2.2. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề gắn liền với hoạt động của khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ đề xuất giải pháp:

Đầu tư phát triển khu công nghiệp diễn ra tạo ra một bộ phận việc làm không nhỏ cho người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cũng như các tỉnh lân cận. Kết quả nghiên cứu định lượng đưa ra hệ số của biến số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp là 34,626 là hệ số dương tức là mối quan hệ giữa biến nghiên cứu và biến thu nhập là mối quan hệ cùng chiều. Như vậy khi số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp được tăng lên thì thu nhập cũng tăng lên. Kết quả nghiên cứu của tác giả phù hợp với nghiên cứu tham khảo trước đó. Tuy nhiên, để có thể có được những công việc tại các khu công nghiệp đòi hỏi người lao động phải có kỹ năng và trình độ nhất định, vì vậy giải pháp về đào tạo nghề cần được thực hiện nhằm giải quyết những khó khăn về đòi hỏi công việc cũng như vị trí việc làm của người lao động tại các khu công nghiệp.

Đối tượng thực hiện giải pháp:

UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc.

Nội dung của giải pháp:

Đối với hộ dân bị thu hồi đất nếu có nhu cầu đào tạo nghề sẽ được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề và có chính sách hỗ trợ riêng biệt. Theo đó người dân sẽ được hỗ trợ một phần chi phí học nghề theo quy định của chính phủ. Bên cạnh đó người dân bị mất đất nông nghiệp thuộc diện theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/09/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tính dụng đối với học sinh sinh viên thì cũng sẽ được hỗ trợ cho vay vốn để đi học tổng suốt thời gian học sinh, sinh viên đi học.

Người lao động bị thu hồi đất có nhu cầu tìm việc làm hoặc đi làm việc tại các nước ngoài Việt Nam sẽ được ưu tiên hỗ trợ tìm việc làm miễn phí tại các trung tâm giới thiệu việc làm thuộc Sở lao động và thương binh xã hội. Đặc biệt đối với người dân bị thu hồi đất có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài sẽ được hỗ trợ chi phí học nghề lên tới 100% bao gồm cả chi phí học tiếng và chi phí bồi dưỡng trình độ chuyên

môn nghề nghiệp trong suốt quá trình học tập. Ngoài ra người dân còn được hỗ trợ chi phí khám sức khỏe, cho phí làm hộ chiếu, visa, hỗ trợ chi phí tiền ăn trong quá trình học tập. Đối với những trường hợp người dân làm việc tại vị trí cách nơi cư trú trên 15km thì còn được hỗ trợ thêm chi phí đi lại 1 lượt đi - về từ nơi cư trú cho đến địa điểm làm việc. Các chính sách liên quan đến lãi suất, hỗ trợ vay vốn cũng được áp dụng theo quy định của pháp luật.

Thực tế hiện nay, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành nhiều kế hoạch trong công tác đào tạo nhân lực chuyển đổi số của tỉnh như: Kế hoạch số 177 về thực hiện Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 95 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch số 105 về nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2022-2025... Trên địa bàn tỉnh hiện nay ngoài hệ thống các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên thì còn có sự góp mặt của các trường đại học cao đẳng công lập cũng như tư thục như: Trường đại học sư phạm Hà Nội II, Trường đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Cao đẳng nghề Vĩnh Phúc, Cao đẳng kinh tế - kỹ thuật Vĩnh Phúc, Cao đẳng Cơ khí - Nông nghiệp, Trường Cao đẳng FPT Polytechnic Vĩnh Phúc... tạo ra nhiều sự lựa chọn cho học sinh, sinh viên..

Tính đến hết năm 2022, số lao động thông qua đào tạo của tỉnh nhà đạt 78%, tăng 1,8% so với năm 2021 trong đó lao động có bằng cấp và chứng chỉ đạt 36%, tức là và khoảng một nửa so với lao động đã qua đào tạo của tỉnh. Theo như chỉ đạo của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của tỉnh sẽ đạt mức 82% trong đó số lao động đã qua đào tạo được cấp bằng chứng chỉ đạt khoảng 40%.

Ngoài hoạt động hỗ trợ đào tạo hướng nghiệp cho người lao động, cần có chính sách phân loại từng đối tượng lao động để có những hỗ trợ phù hợp nhất cho từng đối tượng như trình độ, giới tính, độ tuổi, trình độ văn hóa, khả năng thực hiện công việc. Ngoài ra tỉnh Vĩnh Phúc cũng đã và đang phân loại các đối tượng là con em thuộc diện được khuyến khích đi làm việc tại nước ngoài có thời hạn nhằm hỗ

trợ nhóm đối tượng này sớm tạo ra được nguồn thu nhập ổn định hỗ trợ gia đình trong tương lai.

Công tác tổ chức tập huấn, triển khai đào tạo chuyên giao khoa học kỹ thuật cũng đòi hỏi phải bám sát thực tế hơn nữa để phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị xã hội và khả năng tiếp nhận công nghệ mới của địa phương, phù hợp với nhu cầu lao động và lĩnh vực hoạt động đối với ngành nghề kinh doanh của từng doanh nghiệp trong các KCN hay các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Bên cạnh hoạt động đào tạo nâng cao trình độ văn hóa, y tế, giáo dục thì hoạt động thể dục thể thao nâng cao sức khỏe cũng cần phải được cân nhắc thực hiện. Tỉnh Vĩnh Phúc cần quan tâm đầu tư hệ thống cơ sở văn hóa, khu vực thể thao cho người dân. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi, giải thi đấu tạo ra sân chơi về thể thao cho người dân để họ có điều kiện luyện tập thể thao, có sức khỏe tốt phục vụ cho hoạt động kiếm thu nhập hàng tháng. Cần có sự linh trong công tác tổ chức các hoạt động văn hóa giữa văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại nhằm thu hút tối đa người tham gia, thường xuyên có các chương trình giao lưu giữa các tỉnh, các địa phương để nâng cao tính cạnh tranh, tinh thần giao lưu và hợp tác giữa các địa phương nhằm mở rộng quan hệ, gắn kết giữa các khu vực văn hóa với nhau.

Tóm lại, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố sống còn cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung và sự phát triển của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự phát triển của nguồn nhân lực gắn liền với sự cải thiện về mức sống, thu nhập và trình độ văn hóa xã hội của người lao động. Chính vì vậy, để có chính sách thu hút người tài, chính sách giáo dục đào tạo hợp lý để cung cấp cho các KCN nguồn nhân lực chất lượng cao, đảm bảo yêu cầu của doanh nghiệp trong KCN thì đòi hỏi với có quy trình, chính sách đồng bộ từng khâu. Yêu cầu phải có sự quan tâm sát sao, chỉ đạo của phía nhà nước, cần tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về các hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực của địa phương nói chung và nguồn nhân lực cho các KCN nói riêng.

Kết quả thực hiện giải pháp:

Hỗ trợ người dân xung quanh khu công nghiệp nói riêng và người dân toàn tỉnh Vĩnh Phúc nói chung đáp ứng được nhu cầu công việc của doanh nghiệp trong

KCN với bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa cũng như sự tham gia của các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nước ngoài đến hoạt động kinh doanh tại các KCN. Đồng thời tăng cường khả năng tìm kiếm việc làm cho người dân khi KCN được đầu tư xây dựng và người dân có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp khi bị mất đất. Sau khi thực hiện giải pháp, trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030 dự kiến có thêm 5 trường đại học mới được thành lập, 3 trường cao đẳng, 10 cơ sở đào tạo nghề mới được thành lập và duy trì.

3.2.3. Tăng cường trách nhiệm của các công ty, tổ chức nhận đất đối với các hộ dân bị thu hồi đất trên địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ đề xuất giải pháp:

Đầu tư phát triển khu công nghiệp tạo ra sự thay đổi về thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, vì vậy mà nhu cầu về giáo dục, nhu cầu về y tế, nhu cầu về môi trường sống, hệ thống hạ tầng cũng sẽ thay đổi theo. Do vậy, yêu cầu trách nhiệm của các đơn vị, doanh nghiệp đang hoạt động tại các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc, đặc biệt với các hộ dân bị thu hồi đất để xây dựng và phát triển các khu công nghiệp.

Đối tượng thực hiện giải pháp:

UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc.

Nội dung giải pháp:

Xây dựng các công trình dân sinh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật như điện, đường, trường trại, trạm y tế... và các cơ sở dịch vụ bổ trợ như hệ thống siêu thị, cửa hàng tạp hóa, hệ thống cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí hay các cơ sở thiết yếu khác cũng cần được quan tâm từ Đảng, chính quyền tỉnh cũng như các đơn vị đầu tư trong khu công nghiệp. Vấn đề này cần được thực hiện đồng thời với quá trình ổn định cuộc sống của bà con nhân dân bị thu hồi đất nhằm đem lại cuộc sống ổn định cho người dân bị thu hồi đất.

Ngoài ra công tác giải quyết việc làm cần phải được thực hiện một cách triệt để, địa phương và các đơn vị sử dụng lao động cần nhanh chóng giải quyết việc làm cho những người dân có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp, đối với người dân chưa

có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp cần có cơ chế hỗ trợ đào tạo nghề để người dân dần có trình độ chuyên môn kỹ thuật, từ đó nâng cao khả năng chuyển đổi nghề. Thực hiện tốt công tác môi giới việc làm, tạo môi liên hệ gắn kết để khai thác tối đa nguồn thông tin về lao động và thị trường việc làm, từ đó tạo ra sự gắn kết giữa nguồn cung lao động và nguồn cầu lao động từ các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong phạm vi KCN trên địa bàn tỉnh.

Thông qua các chương trình chuyển giao khoa học, kỹ thuật đặc biệt là khoa học kỹ thuật xanh, không phát thải. Tỉnh Vĩnh Phúc cần tập trung các giải pháp nhằm thu hút tối đa những dự án có sự chuyển giao khoa học kỹ thuật vào để hướng dẫn người dân cách thức sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Với những hộ dân có cơ sở sản xuất nhưng thiếu tư liệu sản xuất, ngoài việc hỗ trợ trong công tác chuyển giao thực hành công nghệ thì cũng cần sự hỗ trợ về cách thức, kinh nghiệm và tư liệu sản xuất cho người dân. Phối hợp với các đơn vị liên quan tạo thành chuỗi liên kết, hợp tác xã bao tiêu sản phẩm đầu ra cho người dân tại tỉnh.

Để làm được điều này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị như các trường đại học, trung tâm nghiên cứu, các đơn vị sự nghiệp nhà nước từ Trung ương đến địa phương đặc biệt trong công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và trong đời sống sản xuất. Tăng cường công tác ứng dụng công nghệ mới, công nghệ xanh đặc biệt là áp dụng tiến bộ của công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhất là công tác quản lý tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc.

Kết quả thực hiện giải pháp:

Giải pháp nhằm hỗ trợ người dân bị mất đất nói riêng và người dân xung quanh khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói chung nhận được sự quan tâm của các công ty, tổ chức về hệ thống cơ sở hạ tầng, cuộc sống và thu nhập nhằm ổn định cuộc sống hàng ngày. Về hệ thống hạ tầng cơ sở vật chất đến năm 2030 là: mỗi khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh có 1 trường học, 1 cơ sở y tế, 1 trung tâm thương mại, 1 khu xử lý rác thải. Gắn chặt trách nhiệm của khu công nghiệp với cuộc sống xanh của người dân.

KẾT LUẬN

Đầu tư, phát triển khu công nghiệp cũng như thu nhập của người dân tại các khu công nghiệp cũng như các địa bàn lân cận đã nhận được sự quan tâm không hề nhỏ đến từ các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương, thậm chí là cả các nhà kinh tế tư nhân trong và ngoài nước. Nghiên cứu của tác giả đã tổng hợp, so sánh sự khác biệt giữa thu nhập của người dân tại khu vực có khu công nghiệp và không có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Kế thừa và phát huy những nghiên cứu trước đây, tác giả thực hiện hệ thống hóa những lý luận liên quan đến đề tài: Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân.

Dựa trên khung lý thuyết được xây dựng, tác giả sử dụng mô hình nghiên cứu để phân tích các chỉ tiêu đã trình bày trong nghiên cứu của mình.

Trên cơ sở dữ liệu đã thu thập được tại tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 2016 đến năm 2023, tác giả đã phân tích được thực trạng đầu tư phát triển khu công nghiệp, đánh giá mức độ ảnh hưởng của khu công nghiệp đến thu nhập của người dân. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng số lượng lao động có thêm khi xây dựng khu công nghiệp; Hệ thống giao thông sau khi có KCN; Vị trí đất đai của hộ gia đình có tác động tích cực tới thu nhập của người dân, trong khi đó số lượng lao động thất nghiệp khi xây dựng Khu công nghiệp có tác động tiêu cực tới thu nhập của người dân. Cũng trong nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến việc làm, hệ thống cơ sở hạ tầng, qua đánh giá của người dân và cán bộ quản lý cho rằng đầu tư phát triển khu công nghiệp có tác động tích cực đến việc làm của người dân và hệ thống cơ sở hạ tầng.

Trên cơ sở những tác động tích cực, những tác động tiêu cực và những nguyên nhân của tác động tiêu cực trong việc đầu tư phát triển khu công nghiệp đến thu nhập của người dân trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, những định hướng và mục tiêu của tỉnh Vĩnh Phúc, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm phát huy những tác động tích cực, hạn chế những tác động tiêu cực mà đầu tư phát triển khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc mang lại.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

1. Lê Thị An (2023), “Thực trạng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp tư nhân - Thực tiễn tại Bắc Giang”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân của người Việt Nam và những vấn đề đặt ra*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân 2023, Trang 685-695.
2. Đoàn Ngọc Thắng, Lê Thị An (2023), “Tác động của các biện pháp phi thuế quan tới xuất khẩu của Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, Số 269 tháng 11/2019, Trang 2-9.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2022), *Báo cáo Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2021*.
2. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2022), *Kết quả thu hút đầu tư vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc năm 2021*.
3. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 02/2023*.
4. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Báo cáo Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 10 tháng đầu năm và ước cả năm 2023*.
5. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Báo cáo Tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2022*.
6. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Danh sách các dự án đầu tư trực tiếp vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc 10 tháng đầu năm 2023*.
7. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Danh sách các dự án đầu tư trực tiếp vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022*.
8. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*.
9. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Kết quả thu hút đầu tư vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc 10 tháng năm 2023*.
10. Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Kết quả thu hút đầu tư vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022*.
11. Cẩm Ly (2023), “Các KCN tỉnh Vĩnh Phúc ổn định và phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.
12. Cổng thông tin điện tử Chính Phủ (2023), *Bảng xếp hạng PCI 2022 số ngày 16/04/2023*.
13. Hoàng Hà, Ngô Thắng Lợi và cộng sự, (2009), *Một số giải pháp giải quyết việc làm, nhà ở, đảm bảo đời sống cho người lao động và đảm bảo an ninh nhằm phát triển các KCN của tỉnh Hưng Yên trong quá trình CNH, HĐH*, Nhà xuất bản Lao Động.

14. Lê Thị Yên (2017), *Tác động của đầu tư phát triển khu công nghiệp đến sinh kế của người dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*, Luận án Tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
15. Ngô Thắng Lợi, Bùi Đức Tuân, Vũ Thành Hương, Vũ Cương, (2006), “Vấn đề phát triển bền vững các KCN ở Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo tổng kết 15 năm phát triển KCN, KCX và sơ kết 2 năm phát triển các KKT ở Việt Nam*, Long An.
16. Nguyễn Bạch Nguyệt, (2003), “Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp, nông thôn ngoại thành Hà Nội, những tồn tại và nguyên nhân”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 77.
17. Nguyễn Bạch Nguyệt và cộng sự, (2007), *Giáo trình kinh tế đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
18. Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Báo cáo kết quả chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022 của tỉnh Vĩnh Phúc*.
19. Thanh Loan (2023), *Vĩnh Phúc: Tập trung hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp để đẩy mạnh thu hút đầu tư*, Vietnam Business Forum.
20. Trung ương (2019), *NQ50-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến 2030*.
21. Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng, (2013), *Giáo trình kinh tế đầu tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
22. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2020), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025)*.
23. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023*.
24. UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2023), *Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*.
25. Võ Thy Trang (2015), “Nghiên cứu đánh giá sự phát triển bền vững các KCN trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”, *Tạp chí Khoa học & Công Nghệ*, Số 65.

26. Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự, (2011), “Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí khoa học*, số 18.
27. Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự, (2012), “Nghiên cứu tác động của Khu công nghiệp đến sự phát triển thu nhập của cộng đồng bị thu hồi đất: Trường hợp khi công nghiệp hòa phú tỉnh Vĩnh Long”, *Tạp chí khoa học*, Đại học Cần Thơ.
28. Nguyen Van Suu, (2009), *Industrialisation and urbanisation in Vietnam: How appropriation of agricultural land use rights transformed farmers Livelihoods in a Peri-Urban Hanoi Village?*, EADN working paper No38
29. Nguyen. V. C, McGrath, T, & Pamela, W, (2006), *Agricultural land distribution in Vietnam: Emerging issues and policy implications*, MPRA Paper No. 25587
30. Saumik Paul et al, (2013), *The livelihood effects of industrialization on displaced households: Evidence from Falta special economic zone, West Bengal*, *Discussion Paper No 13*, Centre for European Economic Research
31. DFID, (1999), *Sustainable livelihood guidance sheets Hall- International, Inc*

**PHỤ LỤC 1:
BẢNG CÂU HỎI**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỘ GIA ĐÌNH

1. Tên chủ hộ:

2. Giới tính:

3. Trình độ học vấn của người được phỏng vấn:

4. Tổng số thành viên trong hộ:

5. Sau khi xây dựng khu công nghiệp, gia đình anh (Chị) có thêm việc làm không? (Cả việc làm trong khu công nghiệp và ngoài khu công nghiệp, bao gồm cả kinh doanh dịch vụ và các việc làm khác)

a. Có

b. Không

Nếu có, có mấy việc làm được tạo thêm sau khi xây dựng khu công nghiệp:

A. 1

b. 2

c. 3

d. 4

e. ≥ 5

6. Gia đình anh (chị) có ai đang làm việc trong khu công nghiệp không?

a. Có

b. Không

Nếu có, số lượng lao động của gia đình anh chị đang làm việc tại các khu công nghiệp?

a. 1

b. 2

c. 3

d. 4

e. ≥ 5

7. Sau khi xây dựng khu công nghiệp, gia đình anh (chị) có ai bị thất nghiệp không?

a. Có

b. Không

Nếu có, số lượng lao động thất nghiệp là mấy?

a. 1

b. 2

c. 3

d. 4

e. ≥ 5

8. Vị trí đất ở hiện nay của gia đình anh chị có thuận tiện cho kinh doanh hay không? (Thuận tiện: Có gần mặt đường không? Có ở trong khu đông dân cư không?)

a. Có

b. Không

